

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030001	1	Đoàn Trần Thúy An	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	27/02/1999	0.5	NGỮ VĂN	6.50	9.00	7.75	4.50	32.25	27.75	38.00	x		N3
030002	1	Lê Thảo Nhật An	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	05/09/1999	1.0	NGỮ VĂN	7.00	8.75	5.00	2.00	24.75	22.75	33.75	x	LietCH	N2
030003	1	Trình Ngọc Bình	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	23/07/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.00	2.75	5.25	5.00	24.00	19.00	26.75	x		N1
030004	1	Lê Minh Châu	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	25/06/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.25	7.50	5.25	5.00	29.00	24.00	32.00	x		N1
030005	1	Võ Bạch Cúc	THCS Mạc Đĩnh Chi-HT	Nữ	13/09/1999	0.0	NGỮ VĂN	5.75	8.50	6.25	5.00	30.50	25.50	32.50	x		
030006	1	Trần Thị Kim Cương	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	12/03/1999	1.0	NGỮ VĂN	5.50	5.75	6.25	5.25	28.00	22.75	30.25	x		N2
030007	1	Nguyễn Phan Hoàng Duy	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	29/10/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.25	4.25	1.25	4.25	20.25	16.00	20.75	x	LietCH	N1
030008	1	Triệu Hoàng Duy	THCS Suối Dây-TC	Nam	03/03/1999	0.0	NGỮ VĂN	4.50	4.50	3.75	4.00	20.75	16.75	21.00	x		
030009	1	Võ Thị Hồng Duy	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	15/09/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.25	7.75	6.50	6.00	32.50	26.50	34.75	x		N1
030010	1	Cao Nguyễn Kỳ Duyên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	08/08/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.50	7.25	5.00	3.25	25.25	22.00	31.75	x		N1
030011	1	Lê Thị Bích Duyên	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	10/01/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.50	2.75	3.00	4.50	20.25	15.75	21.25	x		N1
030012	1	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	THCS Thái Bình-CT	Nữ	09/02/1999	0.0	NGỮ VĂN	5.25	9.00	8.50	4.50	31.75	27.25	36.50	x		
030013	1	Nguyễnthị Duyên	THCS Lê Lợi-TC	Nữ	28/02/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.50	7.25	7.00	4.75	31.25	26.50	36.25	x		
030014	1	Nguyễn Thị Kim Giàu	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	08/06/1999	2.5	NGỮ VĂN	5.75	6.00	4.25	4.50	25.00	20.50	28.50	x		N1,VS
030015	1	Đặng Thị Mỹ Hạnh	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	29/04/1998	1.5	NGỮ VĂN	6.50	7.50	4.00	4.00	26.00	22.00	30.00	x		N1
030016	1	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	THCS Thị Trấn-TC	Nữ	17/08/1999	1.5	NGỮ VĂN	7.50	8.50	8.00	5.75	35.50	29.75	41.00	x		N3,VS
030017	1	Vũ Thị Hiền	THCS Tân Hà-TC	Nữ	07/07/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.00	8.00	4.00	6.00	30.00	24.00	28.00	x		
030018	1	Lê Ngọc Hiếu	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	26/12/1999	1.0	NGỮ VĂN	6.50	7.25	4.75	5.25	29.00	23.75	30.75	x		N2
030019	1	Lê Thị Kiều Hoa	THCS Nguyễn Văn Trỗi-TX	Nữ	09/02/1999	2.5	NGỮ VĂN	6.00	7.25	3.50	5.25	27.25	22.00	28.75	x		HSG3,N1
030020	1	Trần Minh Hoàng	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	01/10/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.50	6.25	4.00	4.50	25.75	21.25	28.75	x		N1
030021	1	Nguyễn Thị Thu Hồng	THCS Thị Trấn-DMC	Nữ	02/03/1999	2.5	NGỮ VĂN	5.75	5.75	4.00	4.75	25.00	20.25	27.75	x		HSG3,N1
030022	1	Huỳnh Quang Huy	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	04/10/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.00	8.00	5.75	6.00	32.75	26.75	33.50	x		
030023	1	Nguyễn Hoàng Huy	THCS Suối Dây-TC	Nam	16/02/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.00	7.00	3.50	6.00	28.50	22.50	26.00	x		
030024	1	Lê Thị Thanh Huyền	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	15/04/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.75	8.75	4.50	5.25	29.50	24.25	30.75	x		N1
030025	2	Nguyễn Thị Trúc Hương	THCS Mạc Đĩnh Chi-HT	Nữ	13/08/1999	0.0	NGỮ VĂN	5.75	9.25	8.50	5.25	34.00	28.75	37.75	x		
030026	2	Hồ Thị Kim Khánh	THCS Mạc Đĩnh Chi-HT	Nữ	02/09/1999	0.5	NGỮ VĂN	5.75	8.50	6.25	6.00	32.50	26.50	33.00	x		N3
030027	2	Trần Đình Lân	THCS Chu Văn An-TX	Nam	07/07/1999	1.5	NGỮ VĂN	7.25	6.50	5.50	5.25	29.75	24.50	33.50	x		N1
030028	2	Châu Ngọc Duy Linh	THCS Mạc Đĩnh Chi-HT	Nữ	04/01/1999	2.5	NGỮ VĂN	6.75	7.00	5.50	6.00	31.25	25.25	34.00	x		HSG3,N1
030029	2	Nguyễn Lê Phương Linh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	11/08/1999	1.0	NGỮ VĂN	4.25	6.75	4.75	2.25	20.25		25.75			N2
030030	2	Nguyễn Hải Long	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	16/01/1999	1.5	NGỮ VĂN	4.50	6.25	7.75	4.00	26.50	22.50	32.25	x		N1
030031	2	Huỳnh Tấn Lợi	THCS Mạc Đĩnh Chi-HT	Nam	06/12/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.25	8.50	6.75	5.25	32.00	26.75	34.50	x		
030032	2	Phạm Thị Thanh Mỹ	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	20/08/1999	3.5	NGỮ VĂN	6.25	8.25	5.25	5.25	30.25	25.00	34.75	x		CN1,N1
030033	2	Huỳnh Thị Thúy Ngân	THCS Mạc Đĩnh Chi-HT	Nữ	08/03/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.25	7.25	5.75	5.25	29.75	24.50	31.25	x		
030034	2	Nguyễn Đa Kim Ngân	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	06/03/1999	1.0	NGỮ VĂN	6.75	6.75	5.25	5.50	29.75	24.25	31.75	x		N2
030035	2	Nguyễn Thị Kim Ngân	THCS Nguyễn Văn Trỗi-TX	Nữ	23/03/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.25	7.00	4.00	6.00	29.25	23.25	29.00	x		N1
030036	2	Phạm Thị Tuyết Ngân	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	05/11/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.25	9.25	6.75	5.75	33.75	28.00	36.75	x		N1
030037	2	Nguyễn Trần Phụng Nghi	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nữ	30/04/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.25	6.75	3.75	3.75	23.25		26.25			N1

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030038	2	Phan Bích Ngọc	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	04/05/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.25	5.50	1.50	2.75	17.75	15.00	20.50	x	LietCH	N1
030039	2	Trương Minh Ngọc	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nữ	01/09/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.75	8.00	4.50	5.00	29.25		32.00			N1
030040	2	Trần Thị Thảo Nguyên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	13/04/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.00	5.25	5.25	5.75	28.00	22.25	29.25	x		N1
030041	2	Nguyễn Hà Thanh Nhã	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	09/05/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.50	8.50	3.50	5.50	29.50	24.00	28.50	x		
030042	2	Đỗ Ngọc Nhi	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	15/12/1998	0.0	NGỮ VĂN	7.75	7.50	5.75	7.50	36.00	28.50	34.50	x		
030043	2	Nguyễn Hoàng Ngọc Nhi	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	13/02/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.50	9.75	7.75	6.50	38.00	31.50	40.25	x		
030044	2	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	30/10/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.00	9.00	4.75	5.50	30.75	25.25	32.00	x		N1
030045	2	Nguyễn Trần Tuyết Nhi	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	02/03/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.25	9.00	8.00	5.25	34.75	29.50	39.50	x		
030046	2	Nguyễn Thị Uyên Nhu	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	22/02/1999	2.0	NGỮ VĂN	6.75	7.25	4.25	5.75	29.75	24.00	31.25	x		N2,VS
030047	2	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nữ	24/11/1999	0.0	NGỮ VĂN	5.75	9.00	5.25	4.75	29.50	24.75	31.00	x		
030048	2	Trần Thị Hồng Nhung	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	06/04/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.50	5.75	5.00	4.00	24.25	20.25	28.25	x		N1
030049	3	Âu Quỳnh Như	THCS Tân Đông-TC	Nữ	17/11/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.50	7.00	6.50	4.50	29.00	24.50	33.00	x		
030050	3	Lê Ngọc Quỳnh Như	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	30/04/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.50	9.00	6.50	5.25	33.50	28.25	37.00	x		
030051	3	Nguyễn Đan Ninh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	08/11/1999	1.0	NGỮ VĂN	3.75	6.25	4.50	3.00	20.50	17.50	23.75	x		N2
030052	3	Lê Hồng Oanh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	18/08/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.00	6.25	6.00	5.25	28.75	23.50	30.25	x		
030053	3	Lê Nguyễn Thục Oanh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	12/10/1999	1.0	NGỮ VĂN	5.00	8.00	5.25	3.50	25.25		29.50			N2
030054	3	Nguyễn Trần Thị Kiều Oanh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	10/10/1999	1.0	NGỮ VĂN	6.25	8.75	5.75	5.25	31.25	26.00	33.75	x		N2
030055	3	Hồ Anh Phúc	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	23/06/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.75	6.00	6.50	4.50	28.25	23.75	34.00	x		N1
030056	3	Lê Hoàng Diễm Phúc	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	11/02/1999	0.0	NGỮ VĂN	5.50	5.25	3.50	4.75	23.75	19.00	23.25	x		
030057	3	Nguyễn Anh Phụng	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	29/05/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.75	9.50	9.00	5.25	35.75	30.50	42.50	x		N1
030058	3	Đỗ Thị Thanh Phương	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	17/11/1999	4.0	NGỮ VĂN	4.75	7.25	3.50	1.25	18.00	16.75	27.75	x	LietCH	HSG2,N1,VS
030059	3	Phạm Khánh Phương	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	22/03/1999	1.5	NGỮ VĂN	4.75	7.75	4.50	4.00	25.00	21.00	27.75	x		N1
030060	3	Nguyễn Ngọc Hồng Phượng	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	01/05/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.75	8.00	7.50	5.25	33.75	28.50	38.50	x		
030061	3	Lê Phú Quý	THCS Chu Văn An-TX	Nam	07/06/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.25	6.00	4.00	5.25	26.75	21.50	26.50	x		
030062	3	Nguyễn Thị Thảo Quyên	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	02/09/1999	1.5	NGỮ VĂN	7.00	8.50	5.25	5.25	31.25	26.00	34.50	x		N1
030063	3	Lê Nguyễn Như Quỳnh	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	29/01/1999	1.5	NGỮ VĂN	4.75	6.75	3.50	3.25	21.50	18.25	24.75	x		N1
030064	3	Trần Vương Giao Quỳnh	THCS Thị Trấn-TC	Nữ	24/01/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.50	10.00	7.00	5.25	35.00		39.00			
030065	3	Nguyễn Phương Thảo	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	11/01/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.25	8.00	5.50	5.00	29.75	24.75	33.00	x		N1
030066	3	Nguyễn Thị Phương Thảo	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	19/01/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.00	8.75	6.25	5.50	32.00	26.50	33.25	x		
030067	3	Vũ Thị Diệu Thảo	THCS Thị Trấn-DMC	Nữ	10/11/1999	0.0	NGỮ VĂN	5.75	6.25	5.25	4.00	25.25	21.25	28.25	x		
030068	3	Phạm Huỳnh Nhật Thẩm	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	08/02/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.75	8.25	7.50	5.00	31.50	26.50	36.25	x		N1
030069	3	Nguyễn Phúc Bảo Thắng	THCS Chu Văn An-TX	Nam	07/09/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.50	6.75	5.25	4.75	28.00	23.25	31.75	x		N1
030070	3	Liêu Quốc Thịnh	THCS Chu Văn An-TX	Nam	19/03/1999	2.0	NGỮ VĂN	5.50	9.00	3.50	4.75	27.50	22.75	29.00	x		N2,VS
030071	3	Huỳnh Thị Ngọc Thơ	THCS Thị Trấn-DMC	Nữ	25/01/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.75	5.50	4.50	5.00	25.75	20.75	27.50	x		N1
030072	3	Nguyễn Kiều Như Thuyết	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	30/04/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.75	6.00	4.75	5.50	27.50	22.00	28.50	x		N1
030073	4	Nguyễn Anh Thư	THCS Thạnh Đức-GD	Nữ	13/07/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.50	7.75	5.50	6.00	31.75		31.75			
030074	4	Lương Thị Minh Trang	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	07/08/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.00	5.50	2.00	5.50	24.50	19.00	23.00	x	LietCH	N1

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030075	4	Hồ Thị Ngọc Trâm	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	10/03/1999	2.5	NGỮ VĂN	6.00	8.75	6.00	6.25	33.25	27.00	35.25	x		N1,VS
030076	4	Vũ Thị Quỳnh Trâm	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	06/05/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.50	7.00	4.25	4.25	25.25	21.00	28.00	x		N1
030077	4	Đỗ Nguyễn Thảo Trân	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	29/03/1999	1.5	NGỮ VĂN	7.00	6.50	5.75	7.25	33.75	26.50	33.50	x		N1
030078	4	Phan Thị Thúy Trinh	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nữ	27/10/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.50	7.25	6.75	5.75	32.00	26.25	33.75	x		
030079	4	Bùi Lê Đông Trúc	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	16/07/1999	2.5	NGỮ VĂN	5.00	7.75	4.50	3.75	24.75		29.25			HSG3,N1
030080	4	Phan Nhật Trường	THCS Trần Bình Trọng-HT	Nam	09/03/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.50	8.75	8.00	5.50	35.25	29.75	39.75	x		
030081	4	Nguyễn Bảo Minh Tú	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	13/08/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.25	9.25	8.00	5.00	34.50	29.50	39.75	x		
030082	4	Nguyễn Thị Bích Tuyền	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	15/01/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.50	6.25	6.00	4.75	27.25	22.50	30.75	x		N1
030083	4	Phạm Ngọc Thanh Tuyền	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	09/05/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.25	9.00	5.25	4.75	29.00	24.25	31.50	x		N1
030084	4	Võ Thị Thanh Tuyền	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	19/11/1999	0.0	NGỮ VĂN	6.00	6.75	5.00	5.25	28.25	23.00	28.75	x		
030085	4	Phan Thị Tổ Uyên	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	23/04/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.75	8.25	4.75	5.75	32.25	26.50	33.25	x		
030086	4	Võ Hoàng Phương Uyên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	14/06/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.25	8.50	4.25	5.25	29.50	24.25	31.00	x		N1
030087	4	Đặng Từơng Vi	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	05/07/1999	3.0	NGỮ VĂN	7.00	8.75	9.25	5.75	36.50	30.75	44.25	x		HSG2,N1
030088	4	Phan Hoàng Thoại Vi	THCS Thị Trấn-CT	Nữ	22/10/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.25	8.75	7.75	5.75	35.25	29.50	38.75	x		
030089	4	Biện Khánh Vy	THCS Nguyễn Thái Bình-HT	Nữ	21/01/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.50	5.00	4.00	5.00	25.50	20.50	27.50	x		N1
030090	4	Mai Quế Vy	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	28/08/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.25	7.25	5.00	4.50	27.50	23.00	31.25	x		N1
030091	4	Nguyễn Đình Hạ Vy	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	01/12/1999	1.5	NGỮ VĂN	4.75	7.00	2.00	4.50	22.75	18.25	22.00	x	LietCH	N1
030092	4	Nguyễn Thị Thanh Vy	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	17/07/1999	1.5	NGỮ VĂN	5.00	7.00	4.75	3.50	23.75	20.25	28.00	x		N1
030093	4	Nguyễn Thị Tuyết Vy	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	03/01/1999	0.0	NGỮ VĂN	7.50	9.75	8.50	6.25	38.25	32.00	41.75	x		
030094	4	Trần Thảo Vy	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	19/08/1999	1.5	NGỮ VĂN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.00	0.00	1.50	x	LietCH	N1
030095	4	Mai Thị Hải Yến	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	09/06/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.50	8.50	9.00	4.25	32.50	28.25	41.00	x		N1
030096	4	Nguyễn Hải Yến	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	14/05/1999	1.5	NGỮ VĂN	6.00	4.75	3.75	5.25	25.00	19.75	25.75	x		N1
030097	5	Lâm Trần Xuân An	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	04/04/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.75	9.75	3.75	4.25	28.75	24.50	32.25	x		N1
030098	5	Dương Thụy Duy Anh	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	22/11/1999	0.5	TIẾNG ANH	6.25	9.50	6.50	4.75	31.75	27.00	35.50	x		N3
030099	5	Dương Tú Anh	THCS Tân Đông-TC	Nữ	29/05/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.00	8.50	4.25	3.00	23.75		28.50			N1
030100	5	Hồ Ngọc Quỳnh Anh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	02/02/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.00	9.50	6.50	5.25	33.50	28.25	36.50	x		
030101	5	Huỳnh Minh Anh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	02/03/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.25	9.25	8.50	6.00	36.00	30.00	40.25	x		N1
030102	5	Lê Trần Phương Anh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	25/02/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.00	7.50	4.75	1.75	20.75	19.00	28.50	x	LietCH	N1
030103	5	Nguyễn Huỳnh Minh Anh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	27/11/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.50	9.50	8.50	5.75	36.00	30.25	39.50	x		
030104	5	Trần Phương Anh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	21/06/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.50	9.75	6.50	4.00	30.75	26.75	35.75	x		
030105	5	Nguyễn Hoàng Ân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	13/04/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.50	9.25	7.25	3.50	30.00	26.50	36.75	x		
030106	5	Nguyễn Gia Bảo	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	23/04/1999	0.0	TIẾNG ANH	4.25	9.25	5.25	5.25	29.25	24.00	28.25	x		
030107	5	Đặng Hoàng Khánh Chân	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	12/11/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.25	9.00	6.50	3.00	27.75	24.75	36.00	x		N1
030108	5	Đặng Ngọc Châu	THCS Nguyễn Thái Bình-HT	Nữ	19/03/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.25	9.75	9.25	7.00	40.25	33.25	42.75	x		
030109	5	Nguyễn Hồng Bảo Châu	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	07/08/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.25	9.25	4.25	1.00	21.75		30.25		LietCH	
030110	5	Nguyễn Kiên Thanh Châu	THCS Tân Phú-TC	Nam	29/04/1999	3.5	TIẾNG ANH	4.00	8.00	6.50	2.25	23.00	20.75	32.50	x		HSG1,N1
030111	5	Trịnh Thái Châu	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	22/08/1999	2.5	TIẾNG ANH	4.25	9.00	4.50	3.00	23.75	20.75	29.00	x		HSG3,N1

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030112	5	Hồ Thị Hồng Diệp	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	20/05/1999	0.0	TIẾNG ANH	4.75	9.75	8.00	2.50	27.50	25.00	35.25	x		
030113	5	Ngô Hồng Dung	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	17/12/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.00	8.25	7.50	2.25	25.25	23.00	33.25	x		
030114	5	Đoàn Lê Dũng	THCS Thị Trấn-BC	Nam	27/12/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.00	9.75	8.50	6.50	37.25	30.75	38.75	x		
030115	5	Lê Hoàng Duy	THCS Lê Lợi-TC	Nam	07/08/1999	0.0	TIẾNG ANH	4.50	8.50	8.50	1.75	25.00	23.25	34.50	x	LietCH	
030116	5	Lê Khánh Duy	THCS Nguyễn Thái Bình-HT	Nữ	16/11/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.00	9.75	7.00	2.75	27.25	24.50	33.75	x		
030117	5	Lê Nguyễn Bá Duy	THCS Nguyễn Trãi-TX	Nam	17/05/1999	1.0	TIẾNG ANH	5.50	6.50	4.25	2.75	21.75	19.00	27.00	x		N2
030118	6	Nguyễn Bảo Duy	THCS Cầu Khởi-DMC	Nam	28/08/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.50	9.75	8.00	7.25	38.75	31.50	38.75	x		
030119	6	Hoàng Trần Thảo Duyên	THCS Thị Trấn-CT	Nữ	05/11/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.00	9.00	5.25	1.75	22.75	21.00	31.00	x	LietCH	N1
030120	6	Lê Hải Dương	THCS Thị Trấn-TB	Nam	07/06/1999	0.5	TIẾNG ANH	6.75	9.75	8.00	4.00	32.50	28.50	39.75	x		N3
030121	6	Trần Thị Thuỳ Dương	THCS Tân Hiệp-TC	Nữ	14/03/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.00	8.50	5.75	2.50	24.25	21.75	31.50	x		N1
030122	6	Huỳnh Thị Đào	THCS Tân Hưng-TC	Nữ	11/05/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.75	9.00	7.00	2.00	25.75	23.75	36.00	x	LietCH	N1
030123	6	Dương Thành Đạt	THCS Cầu Khởi-DMC	Nam	04/01/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.50	9.75	6.50	6.00	33.75		33.75			
030124	6	Đào Thế Đạt	THCS Chu Văn An-TX	Nam	19/02/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.00	8.25	5.00	2.75	24.75	22.00	30.25	x		
030125	6	Lê Huỳnh Đức	THCS Chu Văn An-TX	Nam	03/03/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.75	9.25	5.25	6.50	33.25	26.75	31.25	x		
030126	6	Phạm Xuân Hà	THCS Phan Bội Châu-TX	Nữ	10/07/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.00	8.75	8.25	2.75	28.50	25.75	37.25	x		
030127	6	Huỳnh Nhật Hào	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	11/01/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.25	9.25	8.00	4.75	32.00	27.25	37.25	x		N1
030128	6	Lý Ngọc Hào	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	05/07/1999	3.0	TIẾNG ANH	5.75	8.50	6.25	3.00	26.50	23.50	35.50	x		HSG2,N1
030129	6	Trần Ngọc Song Hào	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	19/11/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.50	9.00	7.25	2.50	26.75	24.25	34.50	x		
030130	6	Đặng Như Hằng	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	11/11/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.50	8.75	5.50	3.00	25.75	22.75	30.75	x		
030131	6	Trần Hồ Gia Hân	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	13/04/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.75	8.75	4.50	2.00	23.00	21.00	29.25	x	LietCH	
030132	6	Dương Minh Hiền	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	01/01/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.75	9.25	6.00	4.00	30.00	26.00	34.75	x		
030133	6	Lê Nguyễn Thục Hiền	THCS Thị Trấn-TC	Nữ	04/04/1999	3.0	TIẾNG ANH	6.50	8.50	7.00	2.75	27.50	24.75	38.50	x		HSG2,N1
030134	6	Huỳnh Thị Thanh Hoà	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	16/07/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.00	9.75	5.75	5.25	33.00	27.75	35.25	x		
030135	6	Nguyễn Minh Hoàng	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	11/11/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.00	10.00	9.25	5.00	35.25	30.25	40.50	x		
030136	6	Bùi Phan Đức Huệ	THCS Long Thành Bắc-HT	Nữ	03/07/1999	5.0	TIẾNG ANH	6.00	9.25	7.50	2.75	28.25	25.50	41.25	x		CN1,HSG1,N1
030137	6	Trịnh Hoàng Hùng	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	17/07/1999	2.5	TIẾNG ANH	4.75	8.50	5.00	2.50	23.25	20.75	30.50	x		HSG3,N1
030138	6	Nguyễn Thị Phương Huy	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	24/02/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.00	8.50	6.00	3.75	28.00	24.25	34.00	x		N1
030139	7	Trương Lê Hoàng Huy	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	11/09/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.50	9.75	7.75	4.75	33.50	28.75	39.75	x		N1
030140	7	Trần Duy Trúc Huỳnh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	29/06/1999	0.0	TIẾNG ANH	4.75	7.75	6.50	2.50	24.00	21.50	30.25	x		
030141	7	Trà Thị Như Huỳnh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	08/12/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.00	9.00	7.75	5.00	33.75	28.75	38.50	x		
030142	7	Nguyễn Thị Thu Hương	THCS Cầu Khởi-DMC	Nữ	10/07/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.25	8.75	5.00	4.00	27.00	23.00	29.25	x		
030143	7	Nguyễn Thị Hương	THCS Tân Hà-TC	Nữ	01/12/1999	1.0	TIẾNG ANH	6.00	8.75	8.50	3.50	30.25	26.75	38.75	x		N2
030144	7	Nguyễn Gia Khang	THCS Tây Sơn-TB	Nam	12/02/1999	1.0	TIẾNG ANH	5.50	9.50	5.50	4.50	29.50	25.00	32.50	x		N2
030145	7	Phạm Hồng Trúc Lam	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	21/01/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.25	9.50	6.75	3.75	30.00	26.25	35.50	x		
030146	7	Tổng Thị Thanh Lan	THCS Phước Đông-GD	Nữ	26/10/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.00	10.00	8.75	4.00	31.75	27.75	39.00	x		N1
030147	7	Bùi Đắc Lâm	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	05/12/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.00	9.00	5.00	4.50	29.00	24.50	31.00	x		
030148	7	Nguyễn Huỳnh Lâm	THCS Bàu Năng-DMC	Nam	27/10/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.50	9.50	6.50	5.50	33.50	28.00	37.00	x		N1

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030149	7	Lê Thị Bội Linh	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nữ	03/03/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.50	9.25	9.00	3.25	30.25	27.00	39.75	x		N1
030150	7	Nguyễn Duy Linh	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nam	13/11/1999	1.5	TIẾNG ANH	7.00	9.00	8.25	4.25	32.75	28.50	41.00	x		N1
030151	7	Nguyễn Duy Linh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	13/11/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.50	9.50	8.25	2.50	28.25	25.75	37.00	x		
030152	7	Nguyễn Lê Mai Linh	THCS Phước Minh-DMC	Nữ	30/04/1999	1.0	TIẾNG ANH	7.00	10.00	7.75	7.25	39.25	32.00	40.50	x		N2
030153	7	Phạm Thị Thuỷ Linh	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	08/08/1999	2.5	TIẾNG ANH	6.50	9.00	4.50	4.00	28.00	24.00	33.50	x		N1,VS
030154	7	Trần Võ Trúc Linh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	23/01/1999	1.0	TIẾNG ANH	6.50	9.00	5.50	3.00	27.00	24.00	34.00	x		N2
030155	7	Bùi Thị Mỹ Loan	THCS Trường Tây-HT	Nữ	13/06/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.50	9.25	5.25	3.00	27.00		32.75			
030156	7	Phạm Nguyễn Hoàng Long	THCS Phan Bội Châu-TX	Nam	22/01/1999	1.0	TIẾNG ANH	6.50	9.50	4.25	5.25	30.75	25.50	32.00	x		N2
030157	7	Trần Quang Lộc	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	26/08/1999	1.0	TIẾNG ANH	4.00	9.50	7.00	5.00	30.50	25.50	32.50	x		N2
030158	7	Châu Kim Ngân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	08/01/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.25	9.50	6.75	2.50	26.50	24.00	33.50	x		
030159	7	Huỳnh Phúc Kim Ngân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	24/03/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.25	9.00	9.00	5.50	34.25	28.75	37.50	x		
030160	8	Nguyễn Thị Kiều Ngân	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nữ	28/11/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.50	8.50	5.25	2.75	25.75		33.50			N1
030161	8	Trần Ngọc Tuyết Ngân	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	06/08/1999	0.0	TIẾNG ANH	3.50	7.75	4.50	1.00	17.75	16.75	23.75	x	LietCH	
030162	8	Trần Thị Thanh Ngân	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	03/10/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.00	8.50	6.75	3.25	27.75	24.50	34.00	x		
030163	8	Võ Huỳnh Phương Nghi	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	12/04/1999	1.5	TIẾNG ANH	7.50	9.75	9.75	7.00	41.00	34.00	45.75	x		N1
030164	8	Ngô Trọng Nghĩa	THCS Tây Sơn-TB	Nam	22/02/1999	2.5	TIẾNG ANH	3.75	9.25	6.75	3.00	25.75	22.75	32.75	x		N1,VS
030165	8	Nguyễn Hữu Nghiêm	THCS Chu Văn An-TX	Nam	28/11/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.25	8.75	6.50	2.75	27.00	24.25	35.75	x		N3,VS
030166	8	Đoàn Thị Thảo Nguyên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	28/05/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.00	8.00	6.00	3.00	25.00	22.00	30.00	x		
030167	8	Huỳnh Thanh Nguyên	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	23/12/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.25	9.75	6.75	6.25	36.25	30.00	37.75	x		
030168	8	Nguyễn Thị Yến Nhi	THCS Thị Trấn-TB	Nữ	24/11/1999	3.0	TIẾNG ANH	6.25	9.75	8.50	6.00	36.50	30.50	42.25	x		HSG2,N1
030169	8	Phạm Thị Thanh Nhi	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	02/06/1999	1.5	TIẾNG ANH	7.25	9.75	5.75	4.50	31.75	27.25	37.25	x		N1
030170	8	Huỳnh Quế Như	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	17/02/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.75	10.00	10.00	6.50	40.75	34.25	45.50	x		
030171	8	Lâm Diệp Quỳnh Như	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	26/06/1999	1.0	TIẾNG ANH	6.50	9.75	7.75	4.50	33.00	28.50	39.25	x		N2
030172	8	Phạm Ngọc Tú Như	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	05/11/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.00	9.50	9.00	4.75	34.00	29.25	39.50	x		
030173	8	Phạm Thị Tố Như	THCS Trường Tây-HT	Nữ	19/09/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.75	9.25	8.50	3.50	32.50	29.00	41.75	x		
030174	8	Trần Ý Như	THCS Trần Bình Trọng-HT	Nữ	16/05/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.50	9.50	7.25	1.75	25.75		36.50		LietCH	N1
030175	8	Trần Thị Hoàng Oanh	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	01/07/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.00	8.50	7.50	2.50	27.00	24.50	37.00	x		N1
030176	8	Bùi Tấn Phát	THCS Nguyễn Thái Bình-HT	Nam	23/12/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.50	9.25	7.50	4.00	30.25	26.25	35.25	x		
030177	8	Đoàn Diệu Phúc	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	29/06/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.25	9.00	9.00	4.50	34.25	29.75	41.50	x		
030178	8	Lê Trường Phúc	THCS Chu Văn An-TX	Nam	11/08/1999	3.0	TIẾNG ANH	6.75	9.50	8.75	6.25	37.50		43.50			HSG2,N1
030179	8	Phạm Hoàng Phúc	THCS Chu Văn An-TX	Nam	15/10/1999	1.0	TIẾNG ANH	5.75	8.00	7.75	4.75	31.00	26.25	36.00	x		N2
030180	8	Nguyễn Thị Mỹ Phước	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nữ	01/12/1999	2.5	TIẾNG ANH	5.75	8.25	7.25	2.75	26.75		36.75			N1,VS
030181	9	Nguyễn Huỳnh Trúc Phương	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	15/10/1999	1.0	TIẾNG ANH	5.25	7.75	3.25	1.50	19.25		25.75		LietCH	N2
030182	9	Phan Thị Trúc Phương	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	12/01/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.25	9.75	4.75	6.50	33.75		31.75			
030183	9	Lý Hoàng Quân	THCS Phước Ninh-DMC	Nam	08/02/1999	2.0	TIẾNG ANH	6.75	10.00	5.00	5.25	32.25		35.50			HSG3,N2
030184	9	Huỳnh Nguyễn Tố Quyên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	27/10/1999	3.0	TIẾNG ANH	5.25	9.25	6.25	2.25	25.25	23.00	35.25	x		HSG2,N1
030185	9	Diệp Phương Quỳnh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	30/05/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.25	9.75	7.25	6.50	36.25	29.75	36.75	x		

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030186	9	Trần Như Quỳnh	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	17/02/1999	1.5	TIẾNG ANH	7.25	9.50	8.25	5.50	36.00	30.50	42.00	x		N1
030187	9	Huỳnh Tấn Sang	THCS Cầu Khởi-DMC	Nam	07/12/1999	2.0	TIẾNG ANH	4.25	8.25	5.50	1.50	21.00	19.50	29.75	x	LietCH	HSG3,N2
030188	9	Võ Nguyễn Thảo Sương	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	09/03/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.25	9.75	7.50	6.50	37.50	31.00	39.25	x		
030189	9	Cao Nhân Tâm	THCS Long Thành Bắc-HT	Nữ	25/02/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.50	8.25	7.00	2.75	26.25	23.50	33.25	x		
030190	9	Lê Nguyễn Minh Tâm	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	20/06/1999	2.5	TIẾNG ANH	5.00	9.75	4.25	4.25	27.50	23.25	30.75	x		HSG3,N1
030191	9	Nguyễn Minh Tâm	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	06/11/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.00	8.50	6.25	2.50	24.75	22.25	31.00	x		
030192	9	Nguyễn Lê Quang Thái	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	22/09/1999	0.0	TIẾNG ANH	4.75	9.75	8.00	6.25	35.00	28.75	35.25	x		
030193	9	Trần Thị Kim Thanh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	28/08/1999	1.0	TIẾNG ANH	4.25	8.25	5.50	1.75	21.50	19.75	28.75	x	LietCH	N2
030194	9	Vũ Ngọc Đan Thanh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	01/05/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.75	8.75	7.75	1.50	26.25	24.75	39.25	x	LietCH	N1
030195	9	Lộ Huỳnh Tấn Thành	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	14/02/1999	0.0	TIẾNG ANH	4.00	9.00	7.00	2.50	25.00	22.50	31.00	x		
030196	9	Lê Thu Thảo	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	13/07/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.00	8.00	6.75	3.25	26.25	23.00	33.00	x		N1
030197	9	Nguyễn Thái Phương Thảo	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	25/08/1999	0.0	TIẾNG ANH	4.50	8.50	8.75	1.50	24.75		35.00		LietCH	
030198	9	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	24/07/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.75	9.25	5.50	1.75	25.00	23.25	35.25	x	LietCH	N1
030199	9	Phạm Phương Thảo	THCS Lê Lợi-TC	Nữ	28/09/1999	1.5	TIẾNG ANH	7.50	9.50	7.50	4.75	34.00	29.25	41.00	x		N1
030200	9	Võ Hoàng Nhật Thảo	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	27/11/1999	3.5	TIẾNG ANH	4.50	9.00	9.00	1.50	25.50	24.00	39.50	x	LietCH	CN1,N1
030201	9	Trần Gia Thịnh	THCS Bàu Đồn-GD	Nam	15/06/1999	2.5	TIẾNG ANH	5.00	9.00	7.75	0.75	23.25	22.50	37.00	x	LietCH	HSG3,N1
030202	10	Nguyễn Phương Thuý	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	30/03/1999	3.0	TIẾNG ANH	5.00	9.50	6.50	7.00	35.00	28.00	35.50	x		HSG1,N2
030203	10	Ngô Thị Anh Thư	THCS Trường Hoà-HT	Nữ	02/05/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.50	9.25	8.50	5.75	35.75	30.00	39.25	x		
030204	10	Nguyễn Anh Thư	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	21/03/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.00	9.25	5.25	3.25	26.00	22.75	31.25	x		N1
030205	10	Phan Minh Thư	THCS Thị Trấn-CT	Nữ	09/01/1999	2.0	TIẾNG ANH	5.50	9.50	5.75	4.25	29.25	25.00	34.00	x		N2,VS
030206	10	Lê Ngọc Thương	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	11/07/1999	1.0	TIẾNG ANH	5.25	7.75	6.25	1.75	22.75	21.00	31.75	x	LietCH	N2
030207	10	Bùi Hoàng Thy	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nam	30/06/1999	1.0	TIẾNG ANH	5.50	7.50	2.50	3.75	23.00	19.25	24.50	x		N2
030208	10	Hà Mai Thy	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	22/08/1999	0.5	TIẾNG ANH	7.00	10.00	8.50	6.50	38.50	32.00	41.50	x		N3
030209	10	Bùi Hoàng Mỹ Tiên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	13/01/1999	1.0	TIẾNG ANH	5.75	9.25	5.00	5.00	30.00	25.00	31.75	x		N2
030210	10	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	01/01/1999	1.5	TIẾNG ANH	7.25	9.25	7.25	3.00	29.75	26.75	39.75	x		N1
030211	10	Nguyễn Thị Thủy Tiên	THCS Suối Ngô-TC	Nữ	17/07/1999	2.0	TIẾNG ANH	4.75	9.75	7.00	4.50	30.50		35.25			HSG3,N2
030212	10	Trần Nhật Tiến	THCS Phan Bội Châu-TX	Nam	29/07/1999	3.0	TIẾNG ANH	4.75	9.25	8.75	5.00	32.75	27.75	39.25	x		HSG2,N1
030213	10	Trịnh Minh Tiến	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	25/03/1999	2.0	TIẾNG ANH	4.00	9.25	4.50	3.75	25.25	21.50	28.25	x		HSG3,N2
030214	10	Lâm Trọng Tín	THCS Thành Long-CT	Nam	04/09/1999	2.5	TIẾNG ANH	4.50	8.75	8.75	1.75	25.50	23.75	37.75	x	LietCH	N1,DT
030215	10	Lê Thanh Tín	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	14/04/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.00	9.50	7.75	8.25	40.75	32.50	39.00	x		
030216	10	Nguyễn Song Toàn	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	18/03/1999	1.5	TIẾNG ANH	4.75	9.75	7.75	5.50	33.25	27.75	36.25	x		N1
030217	10	Nguyễn Ngô Huyền Trang	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nữ	07/10/1999	1.0	TIẾNG ANH	4.00	9.75	3.75	4.00	25.50	21.50	26.25	x		N2
030218	10	Nguyễn Thị Thiên Trang	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	03/02/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.75	8.75	4.25	2.00	23.75	21.75	30.75	x	LietCH	
030219	10	Phan Thị Quế Trâm	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	25/09/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.00	8.50	5.25	3.50	25.75	22.25	30.50	x		N1
030220	10	Võ Nguyễn Ngọc Trâm	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	05/11/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.75	9.25	5.50	3.75	29.00	25.25	35.25	x		N1
030221	10	Trương Quế Trân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	22/01/1999	0.0	TIẾNG ANH	5.50	8.50	2.00	3.50	23.00	19.50	23.50	x	LietCH	
030222	10	Đặng Minh Triết	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	10/09/1999	2.5	TIẾNG ANH	5.00	8.50	5.50	4.25	27.50	23.25	32.00	x		N1,VS

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030223	11	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	05/11/1999	2.5	TIẾNG ANH	6.25	9.00	7.00	1.50	25.25	23.75	38.00	x	LietCH	N1,VS
030224	11	Phan Yến Trinh	THCS Tân Lập-TB	Nữ	20/04/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.50	8.75	5.75	3.50	28.00	24.50	33.25	x		
030225	11	Trương Thị Tố Trinh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	02/04/1999	1.0	TIẾNG ANH	6.25	9.50	6.25	5.25	32.50	27.25	35.50	x		N2
030226	11	Trần Mai Xuân Trúc	THCS Thị Trấn-TC	Nữ	20/02/1999	1.0	TIẾNG ANH	5.50	9.25	6.75	3.50	28.50	25.00	34.75	x		N2
030227	11	Đào Cẩm Tú	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	08/10/1999	0.0	TIẾNG ANH	7.00	9.50	5.50	5.75	33.50	27.75	34.50	x		
030228	11	Nguyễn Phan Hoài Tú	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	22/08/1999	2.5	TIẾNG ANH	6.25	9.50	4.50	6.00	32.25	26.25	33.50	x		N1,VS
030229	11	Lê Thị Mộng Tuyền	THCS Nguyễn Trãi-TX	Nữ	24/02/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.75	7.50	4.25	3.00	23.50	20.50	29.00	x		N1
030230	11	Lê Vũ Kiến Tường	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	10/02/1999	0.0	TIẾNG ANH	6.00	9.75	7.25	2.50	28.00	25.50	36.25	x		
030231	11	Hà Thị Nhã Uyên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	15/12/1999	0.5	TIẾNG ANH	6.75	9.50	8.00	4.00	32.25	28.25	39.50	x		N3
030232	11	Nguyễn Ngọc Khánh Uyên	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	24/12/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.25	9.75	9.75	5.50	36.75	31.25	43.25	x		N1
030233	11	Nguyễn Phương Uyên	THCS Thị Trấn-CT	Nữ	25/09/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.50	9.50	5.50	5.50	31.50	26.00	33.00	x		N1
030234	11	Nguyễn Trần Mai Uyên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	26/05/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.75	9.25	6.00	5.00	31.00	26.00	34.25	x		N1
030235	11	Trần Nguyễn Phương Uyên	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	18/10/1999	2.0	TIẾNG ANH	5.75	8.50	3.75	2.00	22.00	20.00	29.50	x	LietCH	N2,VS
030236	11	Đào Bích Vân	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	27/05/1999	1.5	TIẾNG ANH	7.00	9.50	8.00	6.75	38.00	31.25	41.00	x		N1
030237	11	Lê Quốc Việt	THCS Chu Văn An-TX	Nam	10/06/1999	0.0	TIẾNG ANH	3.75	9.25	2.75	5.50	26.75	21.25	22.25	x		
030238	11	Trần Hữu Vinh	THCS Thị Trấn-TC	Nam	24/11/1999	1.0	TIẾNG ANH	3.75	9.75	6.25	5.50	30.75	25.25	30.75	x		N2
030239	11	Ngô Hải Vy	THCS Thị Trấn-CT	Nữ	07/06/1999	1.5	TIẾNG ANH	7.25	9.50	7.25	4.00	32.00	28.00	40.00	x		N1
030240	11	Nguyễn Thị Thanh Vy	THCS Thị Trấn-TC	Nữ	09/09/1999	1.5	TIẾNG ANH	6.75	10.00	8.25	6.50	38.00	31.50	41.50	x		N1
030241	11	Trần Thị Tường Vy	THCS Thị Trấn-CT	Nữ	23/03/1999	1.5	TIẾNG ANH	5.75	10.00	7.00	7.00	36.75	29.75	37.00	x		N1
030242	11	Võ Thị Anh Vy	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	11/10/1999	2.5	TIẾNG ANH	6.00	10.00	4.00	5.00	30.00	25.00	32.50	x		N1,VS
030243	12	Ngô Nguyễn Duy An	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	18/04/1999	2.5	TOÁN	6.50	9.50	9.75	9.75	45.25	35.50	44.50	x		HSG3,N1
030244	12	Trương Phúc An	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	22/02/1999	1.5	TOÁN	2.75	9.00	8.50	4.25	28.75		33.00			N1
030245	12	Lương Nhật Anh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	12/12/1999	0.0	TOÁN	7.50	9.25	8.25	8.00	41.00	33.00	40.75	x		
030246	12	Lý Tuấn Anh	THCS Chu Văn An-TX	Nam	22/03/1999	2.5	TOÁN	5.50	9.00	5.25	4.00	27.75	23.75	33.00	x		HSG3,N1
030247	12	Ngô Việt Anh	THCS Thị Trấn-TC	Nam	05/10/1999	1.5	TOÁN	6.00	9.50	8.50	7.00	38.00	31.00	40.00	x		N1
030248	12	Nguyễn Thị Vân Anh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	05/04/1999	1.5	TOÁN	4.75	4.25	7.50	4.75	26.00	21.25	30.25	x		N1
030249	12	Tổng Xuân Anh	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	05/07/1999	2.5	TOÁN	7.75	8.75	8.50	8.25	41.50	33.25	43.75	x		N1,VS
030250	12	Trần Mỹ Anh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	17/05/1999	0.0	TOÁN	6.00	5.25	8.00	3.00	25.25	22.25	33.25	x		
030251	12	Lâm Minh Ân	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	25/11/1999	4.0	TOÁN	6.50	9.50	8.25	8.75	41.75	33.00	43.00	x		HSG1,N2,VS
030252	12	Nguyễn Quốc Bảo	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	03/07/1999	0.0	TOÁN	5.50	6.75	6.50	2.00	22.75	20.75	30.75	x	LietCH	
030253	12	Tô Gia Bảo	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	18/12/1999	2.5	TOÁN	5.50	9.00	8.50	5.00	33.00	28.00	39.50	x		N1,VS
030254	12	Hùynh Minh Chí	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	03/11/1999	0.0	TOÁN	5.25	8.50	10.00	9.75	43.25	33.50	39.00	x		
030255	12	Nguyễn Đình Tuấn Chương	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	25/02/1999	1.5	TOÁN	6.00	9.00	8.50	7.00	37.50	30.50	39.50	x		N1
030256	12	Đào Thành Công	THCS Lê Lợi-TC	Nam	01/10/1999	0.0	TOÁN	5.50	8.50	6.75	5.50	31.75	26.25	33.00	x		
030257	12	Hùynh Thị Kiều Dung	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	16/01/1999	2.5	TOÁN	6.00	8.25	7.75	5.75	33.50	27.75	38.25	x		N1,VS
030258	12	Trần Nhất Duy	THCS Chu Văn An-TX	Nam	02/04/1999	2.5	TOÁN	6.50	9.50	9.00	8.50	42.00	33.50	43.00	x		HSG3,N1
030259	12	Trịnh Mai Duy	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	04/10/1999	1.5	TOÁN	6.00	9.50	8.00	6.50	36.50	30.00	39.00	x		N1

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030260	12	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	04/05/1999	1.0	TOÁN	6.25	9.25	8.75	8.75	41.75	33.00	40.25	x		N2
030261	12	Phạm Thị Kỳ Duyên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	15/08/1999	2.0	TOÁN	4.25	7.50	6.50	5.75	29.75	24.00	31.00	x		N2,VS
030262	12	Phan Thị Lộc Duyên	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	12/07/1999	0.0	TOÁN	7.25	9.00	10.00	9.50	45.25	35.75	43.50	x		
030263	12	Quan Quốc Đại	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	02/02/1999	0.0	TOÁN	6.75	10.00	9.50	9.75	45.75	36.00	42.50	x		
030264	12	Lê Thành Đạt	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	21/04/1999	2.5	TOÁN	4.00	9.50	8.00	5.00	31.50	26.50	36.00	x		HSG3,N1
030265	12	Lê Thành Đạt	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	11/09/1999	0.0	TOÁN	6.25	8.25	10.00	10.00	44.50	34.50	40.75	x		
030266	12	Ngũ Thành Đạt	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	24/07/1999	0.0	TOÁN	4.75	7.00	7.50	4.25	27.75	23.50	31.50	x		
030267	13	Nguyễn Thành Đạt	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	07/09/1999	2.5	TOÁN	6.25	9.50	9.50	7.75	40.75	33.00	43.50	x		HSG2,N2
030268	13	Nguyễn Thành Đạt	THCS Chu Văn An-TX	Nam	02/07/1999	0.0	TOÁN	4.75	7.50	7.50	3.25	26.25	23.00	32.00	x		
030269	13	Nguyễn Kỳ Cảnh Đức	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	16/01/1999	1.5	TOÁN	5.25	8.75	6.75	5.50	31.75	26.25	34.25	x		N1
030270	13	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	THCS Thị Trấn-CT	Nữ	30/06/1999	0.0	TOÁN	5.50	9.50	9.50	7.75	40.00	32.25	39.50	x		
030271	13	Võ Hòaì Giang	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nam	02/03/1999	1.5	TOÁN	5.25	9.50	8.25	5.25	33.50	28.25	38.00	x		N1
030272	13	Hùynh Thị Thu Hà	THCS Nguyễn Viết Xuân-TX	Nữ	06/08/1999	0.0	TOÁN	7.50	8.25	7.75	5.75	35.00		38.75			
030273	13	Ngô Ngọc Hà	THCS Tân Đông-TC	Nữ	18/02/1999	1.0	TOÁN	6.25	9.25	9.75	8.25	41.75	33.50	42.25	x		N2
030274	13	Hồ Việt Hải	THCS Nguyễn Thái Học-TX	Nam	20/07/1999	1.0	TOÁN	5.50	7.25	6.50	4.50	28.25	23.75	32.25	x		N2
030275	13	Bùi Thị Thu Hào	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	16/10/1999	1.5	TOÁN	6.25	8.75	8.25	7.00	37.25	30.25	39.25	x		N1
030276	13	Lê Mỹ Hiền	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	26/04/1999	3.0	TOÁN	5.25	8.75	7.50	6.50	34.50	28.00	37.25	x		N2,BBK
030277	13	Ngô Thị Hoa Hiền	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	23/04/1999	0.0	TOÁN	6.75	9.25	9.00	6.50	38.00	31.50	40.75	x		
030278	13	Trịnh Thị Thu Hiền	THCS Tân Đông-TC	Nữ	08/11/1999	1.5	TOÁN	4.25	8.25	8.25	5.25	31.25	26.00	34.75	x		N1
030279	13	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Nguyễn Thái Học-TX	Nam	21/07/1998	1.5	TOÁN	6.00	8.25	8.00	5.25	32.75	27.50	37.75	x		N1
030280	13	Nguyễn Thị Cúc Hoa	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	17/04/1999	0.0	TOÁN	5.75	9.00	10.00	10.00	44.75	34.75	40.50	x		
030281	13	Đỗ Hồng Huân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	11/06/1999	0.0	TOÁN	5.75	8.50	8.75	4.75	32.50	27.75	37.50	x		
030282	13	Nguyễn Phúc Huy	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	23/09/1999	1.5	TOÁN	5.25	7.00	7.25	3.50	26.50	23.00	33.50	x		N1
030283	13	Nguyễn Tiến Huy	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	25/04/1999	1.5	TOÁN	5.50	8.50	8.75	6.00	34.75	28.75	38.50	x		N1
030284	13	Trần Thị Ngọc Huyền	THCS Phan Bội Châu-TX	Nữ	22/03/1999	0.5	TOÁN	4.75	7.50	6.75	3.75	26.50	22.75	31.00	x		N3
030285	13	Nguyễn Thị Yến Hương	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	11/01/1999	1.5	TOÁN	5.50	6.75	4.50	2.00	20.75	18.75	28.25	x	LietCH	N1
030286	13	Nguyễn Hữu Việt Khang	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	12/05/1999	0.0	TOÁN	6.50	9.50	9.00	6.75	38.50	31.75	40.50	x		
030287	13	Ngô Võ Việt Khoa	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	17/09/1999	0.0	TOÁN	6.25	9.50	9.50	6.75	38.75	32.00	41.00	x		
030288	13	Phạm Anh Khoa	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	29/04/1999	0.0	TOÁN	4.75	8.00	8.75	5.00	31.50	26.50	35.00	x		
030289	13	Đình Vĩnh Khương	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nam	29/06/1999	1.5	TOÁN	7.00	9.75	9.50	8.00	42.25	34.25	44.25	x		N1
030290	13	Nguyễn Bùi Trung Kiên	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	04/05/1999	0.0	TOÁN	4.50	8.50	10.00	5.00	33.00	28.00	37.50	x		
030291	14	Ngô Anh Kiệt	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	17/07/1999	0.0	TOÁN	5.75	8.50	9.50	5.50	34.75	29.25	39.00	x		
030292	14	Trần Thị Kim Liên	THCS Suối Ngô-TC	Nữ	18/07/1999	1.5	TOÁN	4.25	8.50	3.00	2.00	19.75	17.75	24.50	x	LietCH	N1
030293	14	Đậu Thị Phương Linh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	10/02/1999	0.0	TOÁN	6.00	8.75	9.00	8.75	41.25	32.50	38.75	x		
030294	14	Lâm Thái Linh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	13/04/1999	1.5	TOÁN	4.75	7.50	7.50	4.00	27.75	23.75	33.50	x		N1
030295	14	Võ Thành Long	THCS Thái Bình-CT	Nam	18/08/1999	0.0	TOÁN	2.50	8.50	4.50	1.50	18.50	17.00	22.50	x	LietCH	
030296	14	Nguyễn Phước Lộc	THCS Võ Văn Kiệt-TX	Nam	29/05/1999	1.5	TOÁN	4.50	5.00	6.00	4.00	23.50	19.50	27.50	x		N1

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030297	14	Nguyễn Gia Linh	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	09/01/1999	2.5	TOÁN	4.50	8.25	10.00	6.25	35.25	29.00	39.75	x		HSG2,N2
030298	14	Đặng Quang Minh	THCS Chu Văn An-TX	Nam	09/01/1999	1.5	TOÁN	5.00	8.50	7.75	7.00	35.25	28.25	35.50	x		N1
030299	14	Lê Thị Thúy Nga	THCS Suối Ngô-TC	Nữ	16/03/1999	0.0	TOÁN	4.25	7.00	6.00	3.00	23.25		27.50			
030300	14	Lý Thanh Ngân	THCS Phan Bội Châu-TX	Nữ	17/09/1999	2.5	TOÁN	4.75	9.50	8.75	4.00	31.00	27.00	39.00	x		HSG3,N1
030301	14	Võ Kim Ngân	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	11/10/1999	3.0	TOÁN	5.75	6.75	5.00	3.50	24.50	21.00	31.25	x		HSG2,N1
030302	14	Đặng Hoàng Nghĩa	THCS Thị Trấn-TC	Nam	21/09/1999	1.5	TOÁN	6.50	5.75	6.50	5.00	28.75	23.75	33.25	x		N1
030303	14	Nguyễn Lê Kim Ngọc	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	03/09/1999	3.0	TOÁN	8.25	8.75	10.00	9.00	45.00	36.00	48.25	x		HSG2,N1
030304	14	Hà Quang Nguyên	THCS Nguyễn Viết Xuân-TX	Nam	23/07/1999	0.0	TOÁN	5.00	8.75	7.75	6.50	34.50	28.00	34.25	x		
030305	14	Châu Hoàng Nhật	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	13/03/1999	0.0	TOÁN	7.00	9.75	10.00	10.00	46.75	36.75	43.75	x		
030306	14	Hùynh Xuân Nhi	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	08/09/1999	1.0	TOÁN	6.50	8.25	6.75	5.50	32.50	27.00	35.75	x		N2
030307	14	Nguyễn Thị Tố Nhi	THCS Trà Vong-TB	Nữ	09/10/1999	1.5	TOÁN	6.75	8.25	8.50	6.00	35.50	29.50	40.25	x		N1
030308	14	Võ Thị Hùynh Như	THCS An Cơ-CT	Nữ	12/06/1999	1.5	TOÁN	6.50	6.25	4.75	2.50	22.50	20.00	30.25	x		N1
030309	14	Phan Thị Hồng Phấn	THCS Trưng Vương-HT	Nữ	29/08/1999	1.5	TOÁN	6.75	9.00	6.75	5.00	32.50	27.50	37.50	x		N1
030310	14	Phan Vương Phú	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	18/07/1999	0.5	TOÁN	6.25	9.75	9.50	5.75	37.00	31.25	41.75	x		N3
030311	14	Mai Hoàng Phúc	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	20/09/1999	0.0	TOÁN	4.00	3.25	4.25	2.25	16.00	13.75	19.75	x		
030312	14	Nguyễn Tấn Phước	THCS Lê Lợi-GD	Nam	22/06/1999	0.0	TOÁN	6.50	9.00	8.25	3.00	29.75		38.50			
030313	14	Nguyễn Bá Phương	THCS Tân Hiệp-TC	Nam	02/03/1999	2.5	TOÁN	5.25	6.25	6.75	5.25	28.75	23.50	32.75	x		HSG3,N1
030314	14	Đỗ Phương Quyên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	27/04/1999	3.0	TOÁN	6.50	9.50	10.00	8.25	42.50	34.25	45.50	x		HSG2,N1
030315	15	Nguyễn Thụy Nguyệt Quỳnh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	03/06/1999	0.0	TOÁN	7.50	8.25	9.00	5.75	36.25	30.50	41.25	x		
030316	15	Phan Phát Tài	THCS Long Chữ-BC	Nam	14/03/1999	0.0	TOÁN	5.50	8.00	6.50	5.25	30.50	25.25	32.00	x		
030317	15	Đỗ Phương Tâm	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	01/06/1999	3.0	TOÁN	2.50	7.00	4.25	2.25	18.25	16.00	23.50	x		HSG2,N1
030318	15	Kiều Công Tâm	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	04/02/1999	2.0	TOÁN	5.75	8.50	9.25	5.00	33.50		40.50			HSG2,N3
030319	15	Phạm Thị Minh Tâm	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	12/10/1999	1.5	TOÁN	6.00	10.00	7.25	8.00	39.25	31.25	38.00	x		N1
030320	15	Lê Hoàng Thành	THCS Thành Long-CT	Nam	05/09/1999	0.0	TOÁN	6.00	3.00	6.50	3.00	21.50	18.50	28.00	x		
030321	15	Nguyễn Tiến Thành	THCS Thạnh Đức-GD	Nam	20/07/1999	2.0	TOÁN	5.75	6.50	9.00	8.50	38.25	29.75	38.00	x		CN3,N2
030322	15	Đinh Vũ Phương Thảo	THCS Suối Ngô-TC	Nữ	04/07/1999	1.5	TOÁN	5.25	6.75	7.75	4.50	28.75		34.25			N1
030323	15	Trần Hồng Phương Thảo	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	02/12/1999	0.0	TOÁN	7.75	9.50	8.50	5.75	37.25	31.50	42.00	x		
030324	15	Lê Quốc Thắng	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	19/12/1999	0.5	TOÁN	5.75	9.50	8.75	8.25	40.50	32.25	39.00	x		N3
030325	15	Dương Hồng Thiệt	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	07/05/1999	0.0	TOÁN	6.50	7.75	7.75	5.00	32.00	27.00	36.25	x		
030326	15	Nguyễn Thị Kim Thoa	THCS An Cơ-CT	Nữ	27/01/1999	0.0	TOÁN	7.75	8.00	6.50	7.25	36.75	29.50	36.50	x		
030327	15	Đỗ Thị Thu	THCS Tân Hà-TC	Nữ	13/01/1999	2.0	TOÁN	7.00	8.00	7.00	7.00	36.00		38.00			HSG3,N2
030328	15	Võ Thanh Thủy	THCS Phước Ninh-DMC	Nữ	14/11/1999	0.0	TOÁN	4.50	6.50	7.75	4.25	27.25	23.00	31.00	x		
030329	15	Nguyễn Đặng Anh Thư	THCS Thạnh Đức-GD	Nữ	28/08/1999	1.5	TOÁN	7.25	9.00	8.25	8.25	41.00	32.75	41.50	x		N1
030330	15	Đinh Hoàng Mai Thy	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nữ	09/10/1999	1.5	TOÁN	4.75	8.00	10.00	8.00	38.75	30.75	39.00	x		N1
030331	15	Nguyễn Nhật Tiến	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	20/09/1999	0.0	TOÁN	6.25	9.25	8.25	7.25	38.25	31.00	38.25	x		
030332	15	Đinh Thị Huyền Trang	THCS Thạnh Đức-GD	Nữ	09/12/1999	2.5	TOÁN	5.25	9.50	8.50	4.25	31.75	27.50	39.50	x		CN3,N1
030333	15	Lê Thị Thu Trang	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	28/09/1999	1.5	TOÁN	5.75	6.75	6.75	3.25	25.75	22.50	33.25	x		N1

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030334	15	Trần Thị Bảo Trang	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	15/07/1999	1.5	TOÁN	6.50	9.75	9.25	8.00	41.50	33.50	42.75	x		N1
030335	15	Trần Thị Phương Trang	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	21/01/1999	1.5	TOÁN	6.00	9.25	9.50	8.75	42.25	33.50	41.75	x		N1
030336	15	Đặng Khánh Trân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	16/10/1999	0.0	TOÁN	6.75	10.00	10.00	8.25	43.25	35.00	43.50	x		
030337	15	Hồ Lâm Quế Trân	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	14/12/1999	2.5	TOÁN	5.00	8.50	6.25	3.50	26.75	23.25	33.50	x		HSG3,N1
030338	15	Hùynh Thu Trúc	THCS Trần Bình Trọng-HT	Nữ	27/07/1999	0.0	TOÁN	4.25	7.00	7.00	1.50	21.25		29.50		LietCH	
030339	16	Nguyễn Thị Thanh Trúc	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	01/10/1999	1.5	TOÁN	5.50	6.50	8.50	3.50	27.50	24.00	36.00	x		N1
030340	16	Phạm Đỗ Huy Trường	THCS Chu Văn An-TX	Nam	07/05/1999	2.5	TOÁN	4.25	5.50	7.50	2.50	22.25	19.75	31.50	x		N1,VS
030341	16	Phan Dương Như Trường	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	03/08/1999	0.0	TOÁN	6.75	9.50	7.25	3.25	30.00	26.75	37.50	x		
030342	16	Đinh Thị Ngọc Tú	THCS Cầu Khởi-DMC	Nữ	12/02/1999	2.5	TOÁN	5.00	9.75	7.75	6.50	35.50	29.00	37.75	x		N1,VS
030343	16	Nguyễn Châu Ngọc Tú	THCS Trường Hoà-HT	Nữ	27/08/1999	1.5	TOÁN	5.25	9.00	8.25	5.00	32.50	27.50	37.50	x		N1
030344	16	Trần Hoàng Tú	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	02/08/1999	1.5	TOÁN	6.75	8.50	5.75	4.00	29.00		35.00			N1
030345	16	Trần Thanh Tú	THCS Chu Văn An-TX	Nam	07/12/1999	1.5	TOÁN	6.00	8.75	8.50	6.75	36.75	30.00	39.25	x		N1
030346	16	Trần Thiện Ngọc Tú	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	07/12/1999	0.0	TOÁN	6.25	8.00	7.50	5.00	31.75	26.75	35.50	x		
030347	16	Dương Quốc Tuấn	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	28/03/1999	0.0	TOÁN	6.75	7.25	8.00	3.25	28.50	25.25	36.75	x		
030348	16	Trần Kim Tuyền	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	08/09/1999	0.0	TOÁN	5.25	9.00	8.00	4.25	30.75	26.50	35.50	x		
030349	16	Nguyễn Ngọc Tuyền	THCS Phan Bội Châu-TX	Nữ	19/09/1999	1.0	TOÁN	4.50	9.00	9.00	5.50	33.50	28.00	37.00	x		N2
030350	16	Phan Thị Ngọc Tuyền	THCS Phan Bội Châu-TX	Nữ	22/07/1999	1.5	TOÁN	6.25	9.25	10.00	9.00	43.50	34.50	43.25	x		N1
030351	16	Lê Ngọc Cát Tường	THCS Trường Hoà-HT	Nữ	21/07/1999	0.0	TOÁN	6.75	8.75	8.00	7.00	37.50	30.50	38.25	x		
030352	16	Võ Thị Tỷ Tỷ	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	15/02/1999	1.5	TOÁN	6.25	8.50	6.25	3.00	27.00	24.00	35.00	x		N1
030353	16	Nguyễn Thị Tố Uyên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	28/08/1999	2.5	TOÁN	6.50	5.50	7.75	3.50	26.75	23.25	36.50	x		HSG3,N1
030354	16	Trần Thị Thu Uyên	THCS Thái Bình-CT	Nữ	10/11/1999	0.0	TOÁN	5.00	9.00	8.25	5.25	32.75	27.50	35.50	x		
030355	16	Nguyễn Thành Vinh	THCS Lê Lợi-TC	Nam	19/01/1999	0.0	TOÁN	5.75	8.75	8.50	3.75	30.50		37.25			
030356	16	Phạm Quốc Vũ	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	06/10/1999	1.5	TOÁN	3.75	8.75	7.00	3.75	27.00	23.25	31.75	x		N1
030357	16	Nguyễn Thị Phương Vy	THCS Thị Trấn-GD	Nữ	27/11/1999	0.0	TOÁN	6.50	9.25	8.25	5.50	35.00	29.50	38.75	x		
030358	16	Võ Ngọc Thảo Vy	THCS Tân Phú-TC	Nữ	01/01/1999	0.5	TOÁN	5.25	7.25	7.25	5.00	29.75	24.75	32.75	x		N3
030359	16	Trịnh Tuấn Vỹ	THCS Nguyễn Thái Học-TX	Nam	31/07/1999	3.0	TOÁN	4.50	3.25	7.75	3.75	23.00	19.25	30.75	x		HSG2,N1
030360	16	Bùi Thủy Yên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	11/06/1999	2.5	TOÁN	4.75	8.50	8.75	4.75	31.50	26.75	38.00	x		HSG3,N1
030361	17	Trang Diệu Ái	THCS Cầu Khởi-DMC	Nữ	25/11/1999	0.0	VẬT LÍ	7.50	9.00	8.75	4.75	34.75	30.00	41.50	x		
030362	17	Bùi Công Tuấn Anh	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	13/09/1999	0.0	VẬT LÍ	5.75	8.50	8.50	7.25	37.25	30.00	37.00	x		
030363	17	Nguyễn Thị Phương Anh	THCS Trường Hoà-HT	Nữ	22/01/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	7.00	6.75	3.50	27.00	23.50	33.00	x		
030364	17	Hà Thái Bảo	THCS Thị Trấn-DMC	Nam	27/01/1999	0.0	VẬT LÍ	4.50	5.75	7.50	5.75	29.25	23.50	29.75	x		
030365	17	Phạm Quốc Bảo	THCS Chu Văn An-TX	Nam	16/05/1999	0.0	VẬT LÍ	5.25	4.50	6.25	2.75	21.50	18.75	27.50	x		
030366	17	Quan Kim Các	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	23/02/1999	0.0	VẬT LÍ	7.50	9.25	8.25	3.75	32.50	28.75	40.75	x		
030367	17	Đặng Bảo Châu	THCS Tân Hưng-TC	Nữ	30/04/1999	0.0	VẬT LÍ	7.00	9.50	7.00	7.75	39.00	31.25	37.50	x		
030368	17	Nguyễn Minh Chiến	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	09/01/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	6.50	5.75	6.75	32.00	25.25	30.50	x		
030369	17	Châu Huỳnh Dũng	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	30/01/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	9.00	6.00	6.00	33.25	27.25	33.50	x		
030370	17	Trần Minh Duy	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	01/07/1999	0.0	VẬT LÍ	5.00	7.50	6.50	3.00	25.00	22.00	30.50	x		

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030371	17	Trần Ngọc Duy	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	08/05/1999	0.0	VẬT LÍ	6.00	8.50	3.25	2.00	21.75	19.75	27.00	x	LietCH	
030372	17	Trịnh Lê Duy	THCS Cầu Khởi-DMC	Nam	09/11/1999	0.0	VẬT LÍ	7.00	8.25	8.25	4.75	33.00	28.25	38.75	x		
030373	17	Hà Anh Đào	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	17/04/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	9.25	8.75	5.75	35.75	30.00	39.25	x		
030374	17	Phan Trúc Đào	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nữ	24/12/1999	0.0	VẬT LÍ	2.00	7.75	5.75	1.50	18.50		23.25		LietCH	
030375	17	Đỗ Quốc Đạt	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nam	05/11/1999	0.0	VẬT LÍ	4.50	7.75	8.00	5.00	30.25	25.25	32.75	x		
030376	17	Hoa Phúc Đạt	THCS Thị Trấn-DMC	Nam	06/02/1999	0.0	VẬT LÍ	5.25	9.25	5.25	6.75	33.25	26.50	30.25	x		
030377	17	Lâm Thành Đạt	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	18/01/1999	0.0	VẬT LÍ	7.00	8.00	7.75	9.00	40.75	31.75	37.50	x		
030378	17	Trần Tấn Đạt	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	17/01/1999	0.0	VẬT LÍ	4.50	8.75	5.50	4.75	28.25	23.50	28.75	x		
030379	17	Nguyễn Thanh Hải	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	14/08/1999	0.0	VẬT LÍ	4.75	8.50	8.00	6.50	34.25	27.75	34.00	x		
030380	17	Mã Phúc Hậu	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	12/03/1999	0.0	VẬT LÍ	4.50	8.75	8.75	9.75	41.50	31.75	35.25	x		
030381	17	Chu Minh Hiếu	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	06/10/1999	0.0	VẬT LÍ	6.00	8.00	9.00	2.75	28.50	25.75	38.00	x		
030382	17	Nguyễn Như Hoàng	THCS Thị Trấn-DMC	Nam	11/06/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	4.25	7.50	6.75	31.50	24.75	31.75	x		
030383	17	Võ Thị Mộng Huyền	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	23/05/1999	0.0	VẬT LÍ	7.00	10.00	9.25	9.75	45.75	36.00	42.50	x		
030384	18	Nguyễn Gia Hưng	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	29/10/1999	0.0	VẬT LÍ	5.00	8.50	6.75	4.50	29.25	24.75	32.00	x		
030385	18	Phan Hoàng Kha	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	23/10/1999	0.0	VẬT LÍ	7.00	9.25	8.75	8.75	42.50	33.75	40.75	x		
030386	18	Bùi Quang Quốc Khánh	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	02/09/1999	0.0	VẬT LÍ	5.00	6.50	8.75	6.25	32.75		34.00			
030387	18	Võ Trần Huy Khoa	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	07/04/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	5.75	4.50	3.50	23.50	20.00	27.25	x		
030388	18	Nguyễn Tuấn Kiệt	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	03/01/1999	0.0	VẬT LÍ	6.50	8.00	3.25	4.50	26.75	22.25	27.50	x		
030389	18	Nguyễn Quế Lâm	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	22/01/1999	0.0	VẬT LÍ	6.00	7.25	5.75	2.00	23.00	21.00	30.75	x	LietCH	
030390	18	Sử Duy Lâm	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	01/01/1999	0.0	VẬT LÍ	5.00	8.50	9.75	6.50	36.25	29.75	38.00	x		
030391	18	Đặng La Gia Linh	THCS An Cơ-CT	Nữ	05/10/1999	0.0	VẬT LÍ	5.75	7.75	5.25	2.75	24.25	21.50	29.75	x		
030392	18	Nguyễn Hồng Phương Linh	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	07/06/1999	0.0	VẬT LÍ	8.00	6.25	6.75	2.50	26.00	23.50	35.75	x		
030393	18	Nguyễn Thị Mỹ Linh	THCS Phước Vinh-CT	Nữ	28/07/1999	0.0	VẬT LÍ	7.50	7.25	7.75	6.00	34.50	28.50	37.75	x		
030394	18	Phạm Nguyễn Hoàng Linh	THCS Chu Văn An-TX	Nam	19/01/1999	0.0	VẬT LÍ	5.50	5.25	4.25	2.75	20.50	17.75	24.75	x		
030395	18	Huỳnh Phi Long	THCS Nguyễn Trãi-TX	Nam	12/02/1999	0.0	VẬT LÍ	6.50	7.25	8.00	6.00	33.75	27.75	36.25	x		
030396	18	Trần Phúc Lộc	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	02/12/1999	0.0	VẬT LÍ	7.75	9.00	7.25	7.00	38.00	31.00	39.00	x		
030397	18	Trần Phúc Lộc	THCS Thị Trấn-TC	Nam	15/06/1999	0.0	VẬT LÍ	5.50	9.00	7.50	7.25	36.50	29.25	35.00	x		
030398	18	Nguyễn Đăng Hà Nam	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	30/12/1999	0.0	VẬT LÍ	6.75	8.75	7.50	9.50	42.00	32.50	37.25	x		
030399	18	Huỳnh Thị Thu Ngân	THCS Nguyễn Du	Nữ	30/12/1999	0.0	VẬT LÍ	7.00	7.50	7.50	5.75	33.50	27.75	36.50	x		
030400	18	Lê Thị Trúc Ngân	THCS Nguyễn Trãi-TX	Nữ	04/11/1999	0.0	VẬT LÍ	4.50	7.00	5.50	3.75	24.50	20.75	27.00	x		
030401	18	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	25/02/1999	0.0	VẬT LÍ	6.75	8.75	9.00	9.75	44.00	34.25	40.25	x		
030402	18	Lê Trung Nghĩa	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	09/03/1999	0.0	VẬT LÍ	5.75	7.75	5.25	5.25	29.25	24.00	29.75	x		
030403	18	Nguyễn Hiếu Nghĩa	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	07/05/1999	0.0	VẬT LÍ	6.00	8.75	7.00	8.50	38.75	30.25	34.75	x		
030404	18	Đoàn Thảo Nguyên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	17/01/1999	0.0	VẬT LÍ	5.00	9.25	7.25	7.00	35.50	28.50	33.75	x		
030405	18	Nguyễn Thảo Nguyên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	09/07/1999	0.0	VẬT LÍ	7.00	8.50	6.75	6.50	35.25	28.75	36.00	x		
030406	19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	THCS Thị Trấn-TB	Nữ	17/10/1999	0.0	VẬT LÍ	7.50	9.50	8.75	7.00	39.75	32.75	42.00	x		
030407	19	Lâm Đặng Hoàng Nhân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	18/02/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	9.50	8.50	8.75	41.75	33.00	39.00	x		

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030408	19	Hoặc Bội Nhi	THCS Bàu Năng-DMC	Nữ	18/12/1999	0.0	VẬT LÍ	7.50	8.00	8.50	6.75	37.50	30.75	40.00	x		
030409	19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	09/07/1999	0.0	VẬT LÍ	5.75	8.75	7.00	7.75	37.00	29.25	34.25	x		
030410	19	Mai Quỳnh Như	THCS Bàu Năng-DMC	Nữ	28/04/1999	0.0	VẬT LÍ	4.50	6.75	7.50	2.25	23.25	21.00	30.75	x		
030411	19	Nguyễn Thị Huỳnh Như	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	11/08/1999	0.0	VẬT LÍ	7.25	9.00	6.75	6.50	36.00	29.50	37.00	x		
030412	19	Nguyễn Thị Huỳnh Như	THCS Thị Trấn-DMC	Nữ	08/02/1999	0.0	VẬT LÍ	6.00	8.75	9.00	3.00	29.75	26.75	38.75	x		
030413	19	Hoàng Ngọc Ninh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	06/02/1999	0.0	VẬT LÍ	4.50	9.25	7.25	5.00	31.00	26.00	32.75	x		
030414	19	Tạ Quang Ninh	THCS Tân Đông-TC	Nam	30/03/1999	0.0	VẬT LÍ	5.00	7.50	7.25	6.50	32.75		32.00			
030415	19	Hà Trần Anh Phát	THCS Nguyễn Trãi-TX	Nam	18/11/1999	0.0	VẬT LÍ	4.75	6.00	4.25	3.75	22.50	18.75	24.00	x		
030416	19	Trương Nguyên Phát	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	08/10/1999	0.0	VẬT LÍ	5.00	6.50	6.50	6.00	30.00	24.00	29.50	x		
030417	19	Mai Chấn Phong	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	02/06/1999	0.0	VẬT LÍ	7.25	7.75	8.25	8.50	40.25		38.75			
030418	19	Mai Hoàng Phúc	THCS Thị Trấn-DMC	Nam	05/06/1999	0.0	VẬT LÍ	5.50	2.75	7.25	4.50	24.50	20.00	28.25	x		
030419	19	Nguyễn Hoàng Phúc	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	14/09/1999	0.0	VẬT LÍ	7.25	8.75	7.00	7.75	38.50	30.75	37.25	x		
030420	19	Võ Thị Hồng Phúc	THCS Ngô Quyền-HT	Nữ	20/10/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	5.25	7.00	5.75	30.00	24.25	31.75	x		
030421	19	Nguyễn Đài Các Phượng	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	17/04/1999	0.0	VẬT LÍ	6.50	9.50	8.75	8.00	40.75	32.75	40.00	x		
030422	19	Nguyễn Nhật Quang	THCS Thạnh Đức-GD	Nam	17/01/1999	1.0	VẬT LÍ	5.50	8.25	5.50	3.75	26.75	23.00	31.25	x		N2
030423	19	Huỳnh Phạm Minh Quân	THCS Nguyễn Thái Học-TX	Nam	25/03/1999	0.0	VẬT LÍ	5.25	7.75	6.00	3.75	26.50	22.75	30.25	x		
030424	19	Phan Như Quỳnh	THCS An Cơ-CT	Nữ	06/12/1999	0.0	VẬT LÍ	6.75	8.25	6.00	6.50	34.00		33.75			
030425	19	Huỳnh Hồng San	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	25/05/1999	0.0	VẬT LÍ	7.75	8.50	6.75	8.25	39.50	31.25	37.50	x		
030426	19	Trương Xuân Sang	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	18/05/1999	0.0	VẬT LÍ	5.25	6.00	7.25	6.00	30.50	24.50	31.00	x		
030427	19	Dương Chí Sinh	THCS Nguyễn Trãi-TX	Nam	09/12/1999	0.0	VẬT LÍ	5.75	6.25	8.75	7.00	34.75	27.75	35.25	x		
030428	20	Đỗ Tấn Tài	THCS Chu Văn An-TX	Nam	13/12/1999	0.0	VẬT LÍ	5.00	8.50	7.00	3.25	27.00	23.75	32.50	x		
030429	20	Tạ Tuấn Tài	THCS Thái Bình-CT	Nam	29/10/1999	0.0	VẬT LÍ	5.25	9.25	5.75	5.50	31.25	25.75	31.25	x		
030430	20	Hồ Quang Tâm	THCS Chu Văn An-TX	Nam	20/08/1999	0.0	VẬT LÍ	6.75	8.75	8.50	9.00	42.00	33.00	39.25	x		
030431	20	Nguyễn Nhật Tân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	25/01/1999	0.0	VẬT LÍ	4.50	8.75	8.00	5.75	32.75	27.00	33.75	x		
030432	20	Ngô Thanh Thảo	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	29/09/1999	0.0	VẬT LÍ	6.75	9.25	6.25	5.50	33.25	27.75	35.25	x		
030433	20	Đinh Văn Thắng	THCS Thái Bình-CT	Nam	21/12/1999	0.0	VẬT LÍ	6.75	7.75	6.25	6.00	32.75	26.75	33.75	x		
030434	20	Nguyễn Minh Thiện	THCS Bà Đen-TX	Nam	08/04/1999	0.0	VẬT LÍ	6.75	9.25	7.75	9.00	41.75	32.75	38.25	x		
030435	20	Lê Phúc Thọ	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	16/12/1999	0.0	VẬT LÍ	4.75	8.25	9.00	5.00	32.00	27.00	35.75	x		
030436	20	Đinh Hoàng Tiến	THCS Nguyễn Viết Xuân-TX	Nam	21/10/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	8.75	6.50	5.50	32.50	27.00	34.25	x		
030437	20	Lữ Trọng Tín	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	18/06/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	6.50	7.75	5.75	32.00	26.25	34.50	x		
030438	20	Nguyễn Minh Trí	THCS Ngô Quyền-HT	Nam	18/08/1999	0.0	VẬT LÍ	6.50	9.25	8.75	4.50	33.50	29.00	39.75	x		
030439	20	Thái Phát Triển	THCS Xã Phan-DMC	Nam	01/10/1999	0.0	VẬT LÍ	7.25	9.75	9.00	9.50	45.00	35.50	42.25	x		
030440	20	Lê Trịnh Quang Triệu	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	02/04/1999	0.0	VẬT LÍ	7.00	8.00	7.25	5.00	32.25	27.25	36.50	x		
030441	20	Hồ Minh Trung	THCS Chu Văn An-TX	Nam	01/04/1999	0.0	VẬT LÍ	5.50	4.00	5.00	3.00	20.50	17.50	25.00	x		
030442	20	Nguyễn Hoàng Tú	THCS An Cơ-CT	Nam	13/08/1999	0.0	VẬT LÍ	4.00	5.00	8.75	7.25	32.25	25.00	30.50	x		
030443	20	Đào Lê Ngọc Tuyền	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	25/12/1999	0.0	VẬT LÍ	7.25	8.25	9.00	6.50	37.50	31.00	40.75	x		
030444	20	Phan Việt Tường	THCS Chu Văn An-TX	Nam	24/01/1999	0.0	VẬT LÍ	4.75	4.75	4.75	4.00	22.25	18.25	23.75	x		

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030445	20	Trần Nguyễn Vĩnh Tường	THCS Thị Trấn-TC	Nam	01/09/1999	0.0	VẬT LÍ	5.00	8.75	7.25	7.00	35.00	28.00	33.25	x		
030446	20	Trần Thị Lan Tường	THCS Nguyễn Thái Bình-HT	Nữ	01/08/1999	0.0	VẬT LÍ	6.50	8.75	8.00	7.25	37.75		37.75			
030447	20	Nguyễn Lương Quốc Văn	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	21/02/1999	0.0	VẬT LÍ	6.50	8.75	8.75	7.75	39.50	31.75	39.25	x		
030448	20	Đỗ Quang Vinh	THCS Võ Văn Kiệt-TX	Nam	22/03/1999	0.0	VẬT LÍ	5.50	8.50	9.00	7.00	37.00	30.00	37.50	x		
030449	20	Nguyễn Huỳnh Hải Yến	THCS Thị Trấn-DMC	Nữ	02/11/1999	0.0	VẬT LÍ	6.25	9.75	7.25	6.00	35.25	29.25	36.75	x		
030450	21	Cao Kỳ Anh	THCS Chu Văn An-TX	Nam	30/10/1999	2.5	HÓA HỌC	2.25	6.00	7.25	0.00	15.50	15.50	27.50	x	LietCH	HSG3,N1
030451	21	Đặng Trần Minh Anh	THCS Tân Hưng-TC	Nữ	21/06/1999	0.0	HÓA HỌC	7.25	6.25	6.00	1.50	22.50	21.00	32.75	x	LietCH	
030452	21	Tô Thị Lan Anh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	04/05/1999	2.0	HÓA HỌC	6.00	8.25	7.75	2.00	26.00	24.00	37.75	x	LietCH	N2,VS
030453	21	Trương Tiểu Anh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	15/01/1999	2.0	HÓA HỌC	7.50	6.75	7.00	3.25	27.75	24.50	37.75	x		N2,VS
030454	21	Nguuyễn Thị Hồng Cẩm	THCS Nguyễn Thái Bình-HT	Nữ	17/11/1999	2.5	HÓA HỌC	5.50	9.25	7.25	5.25	32.50	27.25	37.25	x		N1,VS
030455	21	Phạm Đoàn Bảo Chi	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	28/03/1999	1.0	HÓA HỌC	7.25	9.50	8.75	6.50	38.50	32.00	42.50	x		N2
030456	21	Đỗ Huân Chương	THCS Lộc Ninh-DMC	Nam	17/03/1999	0.0	HÓA HỌC	3.75	8.25	4.50	4.75	26.00	21.25	24.75	x		
030457	21	Đỗ Thành Công	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	13/05/1999	0.0	HÓA HỌC	4.75	8.25	9.00	7.75	37.50	29.75	35.75	x		
030458	21	Đào Thế Dân	THCS Chu Văn An-TX	Nam	02/07/1999	1.0	HÓA HỌC	3.25	4.25	6.00	3.00	19.50	16.50	23.75	x		N2
030459	21	Nguyễn Chiêu Du	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	10/04/1999	2.5	HÓA HỌC	3.00	7.75	6.75	1.00	19.50	18.50	29.75	x	LietCH	N1,VS
030460	21	Đỗ Khánh Duy	THCS Bàu Năng-DMC	Nam	10/04/1999	1.5	HÓA HỌC	6.25	6.75	8.50	5.25	32.00	26.75	37.75	x		N1
030461	21	Lê Đức Duy	THCS Chu Văn An-TX	Nam	06/04/1999	0.0	HÓA HỌC	6.00	4.75	5.50	1.00	18.25	17.25	27.75	x	LietCH	
030462	21	Nguyễn Khánh Duy	THCS Lê Lợi-TC	Nam	25/03/1999	1.0	HÓA HỌC	6.75	9.75	8.75	2.50	30.25	27.75	41.75	x		N2
030463	21	Võ Nguyễn Anh Duy	THCS Trường Hoà-HT	Nam	29/07/1999	1.5	HÓA HỌC	5.50	9.25	8.50	2.50	28.25	25.75	38.75	x		N1
030464	21	Ngô Hiếu Khả Duyên	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	23/03/1999	0.0	HÓA HỌC	6.50	9.00	8.50	4.25	32.50	28.25	39.00	x		
030465	21	Phùng Thị Kim Duyên	THCS Tây Sơn-TB	Nữ	26/01/1999	1.5	HÓA HỌC	5.25	8.75	5.00	1.00	21.00	20.00	30.75	x	LietCH	N1
030466	21	Nguyễn Phi Dương	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nam	28/08/1999	1.5	HÓA HỌC	4.50	6.00	6.25	0.25	17.25	17.00	29.00	x	LietCH	N1
030467	21	Nguyễn Tấn Đạt	THCS Nguyễn Viết Xuân-TX	Nam	07/07/1999	1.5	HÓA HỌC	5.00	9.00	7.25	1.00	23.25	22.25	35.00	x	LietCH	N1
030468	21	Trần Quốc Đạt	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	23/03/1999	0.0	HÓA HỌC	4.75	5.25	7.75	0.50	18.75	18.25	30.25	x	LietCH	
030469	21	Võ Thanh Điền	THCS Thị Trấn-CT	Nam	30/05/1999	0.0	HÓA HỌC	5.50	8.25	8.00	4.50	30.75	26.25	35.25	x		
030470	21	Đỗ Quang Đức	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	24/05/1999	1.5	HÓA HỌC	4.00	9.50	7.25	5.25	31.25	26.00	33.50	x		N1
030471	21	Trần Khánh Đức	THCS Thị Trấn-TC	Nam	25/06/1999	1.5	HÓA HỌC	4.00	7.75	5.50	2.75	22.75	20.00	28.25	x		N1
030472	22	Đặng Thu Giang	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	19/09/1999	0.0	HÓA HỌC	4.75	8.00	5.75	0.25	19.00	18.75	29.00	x	LietCH	
030473	22	Võ Thị Thu Hà	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	29/03/1999	0.0	HÓA HỌC	4.75	5.25	6.25	0.75	17.75	17.00	27.25	x	LietCH	
030474	22	Lê Thanh Hải	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nam	19/05/1999	0.0	HÓA HỌC	4.25	7.00	4.75	2.25	20.50	18.25	25.00	x		
030475	22	Ngô Minh Hải	THCS Hảo Đức-CT	Nam	09/12/1999	0.0	HÓA HỌC	5.75	8.50	7.50	4.00	29.75	25.75	35.00	x		
030476	22	Nguyễn Tuấn Hải	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	24/10/1999	0.0	HÓA HỌC	6.25	8.00	8.00	1.75	25.75	24.00	36.50	x	LietCH	
030477	22	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	THCS Thái Bình-CT	Nữ	23/01/1999	0.0	HÓA HỌC	6.50	7.50	7.00	4.50	30.00	25.50	34.50	x		
030478	22	Bùi Ngọc Hân	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	09/08/1999	1.0	HÓA HỌC	6.25	8.00	6.50	1.00	22.75	21.75	34.50	x	LietCH	N2
030479	22	Tạ Lê Gia Hân	THCS Thị Trấn-TB	Nữ	02/05/1999	1.5	HÓA HỌC	5.25	7.75	8.25	3.75	28.75	25.00	36.25	x		N1
030480	22	Chung Hữu Hiếu	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	19/01/1999	1.5	HÓA HỌC	5.75	7.25	3.00	1.50	19.00		26.25		LietCH	N1
030481	22	Trịnh Lê Gia Hòa	THCS Trường Hoà-HT	Nữ	09/10/1999	1.5	HÓA HỌC	6.25	8.00	7.75	2.25	26.50	24.25	37.50	x		N1

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030482	22	Trần Xuân Hoàng	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	31/03/1999	1.5	HÓA HỌC	5.50	9.00	8.75	5.25	33.75	28.50	39.00	x		N1
030483	22	Hứa Quang Huy	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	01/03/1999	0.0	HÓA HỌC	7.50	9.50	8.00	6.25	37.50	31.25	40.50	x		
030484	22	Nguyễn Đức Huy	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	22/02/1999	0.0	HÓA HỌC	5.75	8.75	8.50	4.75	32.50	27.75	37.25	x		
030485	22	Phan Đức Huy	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	04/11/1999	1.5	HÓA HỌC	5.25	8.75	7.75	4.25	30.25	26.00	36.25	x		N1
030486	22	Trần Lê Quang Huy	THCS Chu Văn An-TX	Nam	23/11/1999	1.0	HÓA HỌC	5.50	8.25	6.25	4.00	28.00	24.00	32.75	x		N2
030487	22	Võ Thị Như Huỳnh	THCS Thị Trấn-DMC	Nữ	28/12/1999	1.0	HÓA HỌC	5.25	6.50	7.00	3.00	24.75	21.75	32.00	x		N2
030488	22	Trần Trọng Hữu	THCS Nguyễn Thái Học-TX	Nam	02/08/1999	1.0	HÓA HỌC	4.50	8.50	8.25	2.75	26.75	24.00	35.00	x		N2
030489	22	Nguyễn Phước Khang	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	26/10/1999	1.5	HÓA HỌC	5.75	9.75	8.00	3.25	30.00	26.75	38.75	x		N1
030490	22	Lâm Kiều Khanh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	19/01/1999	0.0	HÓA HỌC	6.50	6.25	5.25	1.75	21.50	19.75	29.75	x	LietCH	
030491	22	Lê Nhật Khánh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	05/02/1999	1.5	HÓA HỌC	5.50	7.75	8.50	3.00	27.75	24.75	37.25	x		N1
030492	22	Lê Quỳnh Khánh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	19/09/1999	1.5	HÓA HỌC	5.50	7.00	4.50	2.50	22.00	19.50	28.50	x		N1
030493	23	Nguyễn Trần Khánh	THCS Thị Trấn-CT	Nam	16/03/1999	1.5	HÓA HỌC	5.50	6.25	5.75	4.75	27.00	22.25	30.25	x		N1
030494	23	Phạm Đình Khiêm	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	10/10/1999	1.0	HÓA HỌC	6.25	6.00	7.50	3.25	26.25	23.00	34.50	x		N2
030495	23	Lê Anh Khoa	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	30/05/1999	0.0	HÓA HỌC	8.25	9.75	9.00	9.25	45.50	36.25	44.25	x		
030496	23	Nguyễn Huỳnh Đăng Khoa	THCS Nguyễn Tri Phương-TX	Nam	20/03/1999	2.5	HÓA HỌC	6.25	9.00	7.50	9.25	41.25	32.00	39.00	x		HSG3,N1
030497	23	Nguyễn Thu Khuyên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	17/07/1999	0.0	HÓA HỌC	6.00	7.75	7.00	5.75	32.25	26.50	33.75	x		
030498	23	Bùi Ngọc Gia Linh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	07/04/1999	1.5	HÓA HỌC	6.75	8.75	9.75	7.25	39.75		43.25			N1
030499	23	Huỳnh Lê Nhị Linh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	25/12/1999	2.5	HÓA HỌC	6.00	7.25	8.75	4.75	31.50	26.75	39.25	x		CN1,N3
030500	23	Nguyễn Dương Cẩm Linh	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	24/01/1999	1.5	HÓA HỌC	5.00	8.75	8.50	5.50	33.25	27.75	37.25	x		N1
030501	23	Võ Duy Lộc	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	21/06/1999	2.5	HÓA HỌC	4.00	7.75	9.00	3.00	26.75	23.75	36.25	x		N1,VS
030502	23	Trương Hồng Lương Mai	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	06/01/1999	1.5	HÓA HỌC	4.50	6.25	4.50	1.00	17.25		25.75		LietCH	HSG3,N3
030503	23	Phan Ngọc Minh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	25/05/1999	0.0	HÓA HỌC	5.00	6.50	6.25	1.50	20.75	19.25	29.00	x	LietCH	
030504	23	Trần Quang Minh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	15/06/1999	1.0	HÓA HỌC	6.00	9.25	7.75	5.75	34.50	28.75	37.75	x		N2
030505	23	Trần Quang Minh	THCS Thị Trấn-CT	Nam	13/07/1999	1.5	HÓA HỌC	6.50	3.00	8.00	4.50	26.50	22.00	33.50	x		N1
030506	23	Trần Tuyết Minh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	08/01/1999	1.5	HÓA HỌC	7.50	8.25	7.50	0.50	24.25	23.75	39.75	x	LietCH	N1
030507	23	Nguyễn Thị Thảo My	THCS Bàu Năng-DMC	Nữ	04/07/1999	2.0	HÓA HỌC	5.50	5.50	4.50	2.25	20.00	17.75	27.50	x		N2,VS
030508	23	Lê Thị Thanh Nga	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	30/04/1999	3.0	HÓA HỌC	5.00	6.75	5.75	0.75	19.00	18.25	31.25	x	LietCH	CN1,N2
030509	23	Lê Thị Thanh Ngân	THCS An Cơ-CT	Nữ	07/12/1999	1.5	HÓA HỌC	7.00	8.50	8.50	1.75	27.50	25.75	41.00	x	LietCH	N1
030510	23	Trần Thị Kim Ngân	THCS Phước Minh-DMC	Nữ	20/02/1999	1.5	HÓA HỌC	6.75	9.50	8.75	5.25	35.50	30.25	42.00	x		N1
030511	23	Trần Thị Thanh Ngân	THCS Nguyễn Thái Bình-HT	Nữ	07/09/1999	1.5	HÓA HỌC	7.75	8.50	8.75	5.00	35.00	30.00	43.00	x		N1
030512	23	Bùi Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Thị Trấn-TC	Nữ	16/04/1999	2.5	HÓA HỌC	7.25	9.50	8.75	3.00	31.50		44.00			N1,VS
030513	23	Mai Khả Ngọc	THCS Thị Trấn-DMC	Nữ	24/04/1999	1.5	HÓA HỌC	6.50	7.00	5.75	3.25	25.75	22.50	33.00	x		N1
030514	24	Trần Thị Hồng Ngọc	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	02/09/1999	0.0	HÓA HỌC	7.25	9.75	8.00	6.00	37.00	31.00	40.25	x		
030515	24	Đỗ Long Nguyên	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	18/12/1999	1.5	HÓA HỌC	5.75	8.50	4.50	0.00	18.75	18.75	30.50	x	LietCH	N3,VS
030516	24	Lê Quỳnh Nhã	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	17/09/1999	2.5	HÓA HỌC	5.25	6.50	5.25	1.25	19.50	18.25	30.00	x	LietCH	CN3,N1
030517	24	Nguyễn Hiếu Nhân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	28/04/1999	0.0	HÓA HỌC	6.25	8.25	8.50	5.50	34.00	28.50	37.75	x		
030518	24	Huỳnh Thị Yến Nhi	THCS Thiện Ngôn-TB	Nữ	16/08/1999	0.0	HÓA HỌC	3.50	4.75	5.00	1.50	16.25	14.75	21.75	x	LietCH	

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030519	24	Nguyễn Thị Kiều Nhi	THCS Trường Hoà-HT	Nữ	13/04/1999	5.0	HÓA HỌC	6.25	8.75	7.75	3.25	29.25	26.00	41.75	x		CN1,HSG2,N1
030520	24	Nguyễn Trần Lan Nhi	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	02/06/1999	0.0	HÓA HỌC	4.00	8.75	7.00	1.00	21.75	20.75	30.75	x	LietCH	
030521	24	Phạm Thị Yến Nhi	THCS Nguyễn Trãi-TX	Nữ	08/11/1999	0.0	HÓA HỌC	5.75	4.75	5.25	0.25	16.25		26.75		LietCH	
030522	24	Nguyễn Thị Hồng Nhung	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	06/02/1999	1.0	HÓA HỌC	4.75	7.25	7.00	3.25	25.50	22.25	31.75	x		N2
030523	24	Đinh Kim Ngọc Quỳnh Như	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	27/04/1999	1.5	HÓA HỌC	6.50	8.75	8.50	4.00	31.75	27.75	40.25	x		N1
030524	24	Lê Ngọc Quỳnh Như	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	04/03/1999	1.5	HÓA HỌC	7.00	9.00	7.25	7.75	38.75	31.00	39.00	x		N1
030525	24	Phan Trần Quỳnh Như	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	01/03/1999	1.5	HÓA HỌC	6.50	8.50	8.75	1.50	26.75	25.25	40.50	x	LietCH	N1
030526	24	Trương Thị Quỳnh Như	THCS Tây Sơn-TB	Nữ	27/04/1999	5.0	HÓA HỌC	6.00	8.25	5.50	1.25	22.25	21.00	36.25	x	LietCH	CN2,HSG1,N1
030527	24	Huyền Đan Ninh	THCS Cầu Khởi-DMC	Nữ	06/10/1999	1.5	HÓA HỌC	5.75	7.50	7.25	4.25	29.00	24.75	35.00	x		N1
030528	24	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	THCS Nguyễn Trãi-TX	Nữ	14/01/1999	2.0	HÓA HỌC	5.00	6.50	3.75	0.00	15.25		26.00		LietCH	N2,VS
030529	24	Ngô Thị Mỹ Nương	THCS Nguyễn Trãi-TX	Nữ	11/07/1999	0.0	HÓA HỌC	5.25	4.50	7.75	0.00	17.50		30.50		LietCH	
030530	24	Phan Thị Phương Oanh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	08/03/1999	0.0	HÓA HỌC	6.00	9.00	8.50	3.50	30.50	27.00	38.00	x		
030531	24	Võ Hồng Phát	THCS Tân Hưng-TC	Nam	14/10/1999	0.0	HÓA HỌC	6.00	7.00	6.00	1.00	21.00	20.00	31.00	x	LietCH	
030532	24	Nguyễn Ngọc Phú	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	11/12/1999	2.0	HÓA HỌC	5.75	9.00	6.00	3.00	26.75	23.75	34.50	x		CN3,N2
030533	24	Nguyễn Gia Phúc	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	25/08/1999	1.5	HÓA HỌC	7.25	7.75	8.00	5.00	33.00	28.00	39.75	x		N1
030534	24	Phạm Hồng Phúc	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	12/10/1999	0.0	HÓA HỌC	5.50	8.50	7.25	0.50	22.25	21.75	34.00	x	LietCH	
030535	25	Phạm Thị Hồng Phúc	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	22/08/1999	0.0	HÓA HỌC	6.50	6.00	8.75	3.75	28.75	25.00	36.50	x		
030536	25	Phùng Vĩnh Phúc	THCS Chu Văn An-TX	Nam	09/10/1999	1.5	HÓA HỌC	5.50	5.25	5.25	0.50	17.00	16.50	28.25	x	LietCH	N1
030537	25	Trang Vạn Phúc	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	01/12/1999	0.0	HÓA HỌC	5.25	9.00	7.00	1.50	24.25	22.75	33.50	x	LietCH	
030538	25	Võ Thị Kim Phụng	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	06/05/1999	0.0	HÓA HỌC	6.25	8.25	8.75	3.00	29.25	26.25	38.25	x		
030539	25	Lê Đại Phước	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	26/04/1999	0.0	HÓA HỌC	4.75	7.50	8.00	3.50	27.25	23.75	33.00	x		
030540	25	Nguyễn Thị Thanh Phương	THCS Suối Dây-TC	Nữ	03/07/1999	3.5	HÓA HỌC	5.00	6.50	5.25	2.00	20.75	18.75	30.50	x	LietCH	CN1,HSG2
030541	25	Nguyễn Thị Tố Quyên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	17/10/1999	1.5	HÓA HỌC	5.00	6.25	7.50	3.25	25.25	22.00	32.75	x		N1
030542	25	Nguyễn Thanh Bảo Quỳnh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	28/05/1999	0.0	HÓA HỌC	5.50	8.50	6.75	1.50	23.75	22.25	33.00	x	LietCH	
030543	25	Võ Ngọc Phượng Quỳnh	THCS Trường Hoà-HT	Nữ	23/08/1999	1.5	HÓA HỌC	5.75	8.25	8.00	5.75	33.50	27.75	37.25	x		N1
030544	25	Ngô Nam Sang	THCS Suối Ngô-TC	Nam	19/10/1999	3.0	HÓA HỌC	4.25	8.75	8.75	1.50	24.75		37.75		LietCH	HSG2,N1
030545	25	Trần Hà Bảo Tam	THCS Chà Là-DMC	Nam	10/11/1999	2.5	HÓA HỌC	4.25	4.00	5.75	3.75	21.50	17.75	26.50	x		N1,VS
030546	25	Nguy Ngô Nhật Tân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	23/02/1999	0.0	HÓA HỌC	5.25	8.75	7.50	5.00	31.50	26.50	34.25	x		
030547	25	Trần Quốc Thái	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	12/02/1999	1.5	HÓA HỌC	4.25	8.75	6.50	5.25	30.00	24.75	31.75	x		N1
030548	25	Huyền Lan Thảo	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	23/01/1999	1.0	HÓA HỌC	4.25	10.00	6.75	2.50	26.00	23.50	33.00	x		N2
030549	25	Nguyễn Hữu Phúc Thịnh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	07/08/1999	1.5	HÓA HỌC	6.00	10.00	8.75	7.50	39.75	32.25	41.00	x		N1
030550	25	Trần Bảo Thoa	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	22/09/1999	1.5	HÓA HỌC	5.50	8.25	4.00	0.75	19.25	18.50	28.75	x	LietCH	N1
030551	25	Trần Chí Thông	THCS Phước Minh-DMC	Nam	15/07/1999	1.5	HÓA HỌC	4.25	6.25	6.25	5.00	26.75	21.75	28.75	x		N1
030552	25	Dương Thị Thanh Thủy	THCS Phước Minh-DMC	Nữ	18/07/1999	3.0	HÓA HỌC	4.75	6.25	6.00	1.75	20.50	18.75	30.75	x	LietCH	CN1,N2
030553	25	Nguyễn Trần Minh Thư	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	28/07/1999	1.5	HÓA HỌC	6.50	8.25	8.25	2.75	28.50	25.75	39.25	x		N3,VS
030554	25	Phạm Nguyễn Minh Thư	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	02/03/1999	1.0	HÓA HỌC	7.00	6.75	8.25	3.25	28.50	25.25	38.25	x		VS
030555	25	Trần Quang Tiến	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	18/04/1999	2.0	HÓA HỌC	4.50	7.00	6.00	3.75	25.00	21.25	30.00	x		CN3,N2

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030556	26	Bùi Trung Tín	THCS Thị Trấn-TC	Nam	23/11/1999	1.5	HÓA HỌC	6.00	8.75	9.00	5.25	34.25	29.00	40.25	x		N1
030557	26	Lê Trung Toàn	THCS Chu Văn An-TX	Nam	26/08/1999	1.5	HÓA HỌC	3.00	7.50	5.50	3.75	23.50	19.75	26.00	x		N1
030558	26	Lê Thị Ngọc Trâm	THCS Nguyễn Viết Xuân-TX	Nữ	23/07/1999	5.0	HÓA HỌC	6.25	8.50	7.50	3.50	29.25		41.00			CN1,HSG2,N1
030559	26	Đoàn Phan Ngọc Trân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	27/06/1999	0.0	HÓA HỌC	6.50	9.00	8.75	4.50	33.25	28.75	39.50	x		
030560	26	Nguyễn Được Ngọc Trân	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	25/07/1999	1.5	HÓA HỌC	6.75	9.00	8.75	6.50	37.50	31.00	41.50	x		N1
030561	26	Nguyễn Quế Trân	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	13/11/1999	0.0	HÓA HỌC	7.25	9.25	8.25	4.00	32.75	28.75	40.25	x		
030562	26	Nguyễn Đức Trọng	THCS Tân Hưng-TC	Nam	18/10/1999	0.0	HÓA HỌC	6.75	7.25	6.75	0.75	22.25		34.25		LietCH	
030563	26	Nguyễn Phạm Huỳnh Trúc	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	30/11/1999	0.0	HÓA HỌC	7.25	8.75	9.00	4.25	33.50	29.25	41.25	x		
030564	26	Phạm Thị Cẩm Tú	THCS Xã Phan-DMC	Nữ	08/01/1999	1.5	HÓA HỌC	6.50	8.25	8.75	4.50	32.50		40.25			N1
030565	26	Trần Phan Hoàng Tú	THCS Thị Trấn-CT	Nam	07/05/1999	0.0	HÓA HỌC	5.75	8.00	4.00	1.25	20.25	19.00	27.50	x	LietCH	
030566	26	Lâm Huy Tùng	THCS Chu Văn An-TX	Nam	03/11/1999	1.5	HÓA HỌC	5.50	7.00	3.75	0.50	17.25	16.75	27.00	x	LietCH	N1
030567	26	Lê Bá Tùng	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	20/10/1999	1.5	HÓA HỌC	7.25	7.50	5.75	6.50	33.50	27.00	35.00	x		N1
030568	26	Đỗ Ngọc Tuyền	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	28/08/1999	0.0	HÓA HỌC	7.25	8.75	8.75	2.25	29.25	27.00	40.75	x		
030569	26	Lê Thị Minh Tuyền	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	11/10/1999	1.0	HÓA HỌC	6.25	9.00	6.50	4.75	31.25		35.50			N2
030570	26	Lê Minh Tường	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	03/01/1999	3.0	HÓA HỌC	7.25	8.25	7.50	3.00	29.00	26.00	40.75	x		CN3,HSG3,N2
030571	26	Lê Gia Uyên	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	22/06/1999	1.5	HÓA HỌC	5.50	4.00	4.25	1.50	16.75	15.25	25.00	x	LietCH	N1
030572	26	Trần Thúy Uyên	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	24/04/1999	1.5	HÓA HỌC	7.00	9.50	9.00	3.75	33.00	29.25	43.00	x		N1
030573	26	Trần Thị Thảo Vi	THCS Phan Bội Châu-TX	Nữ	07/05/1999	2.5	HÓA HỌC	6.50	8.25	6.25	2.75	26.50		36.25			HSG3,N1
030574	26	Lê Triệu Vĩ	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	04/04/1999	2.0	HÓA HỌC	3.75	5.50	5.75	0.25	15.50	15.25	26.50	x	LietCH	CN3,N2
030575	26	Nguyễn Thái Vĩ	THCS Thái Bình-CT	Nam	19/12/1999	1.5	HÓA HỌC	7.50	6.75	7.00	5.00	31.25	26.25	37.25	x		N1
030576	26	Trần Song Khánh Vy	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	14/09/1999	0.0	HÓA HỌC	4.50	6.00	6.00	1.25	19.00	17.75	27.00	x	LietCH	
030577	27	Nguyễn Võ Hoàng An	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	17/05/1999	0.0	SINH HỌC	5.50	7.75	5.75	3.00	25.00	22.00	30.25	x		
030578	27	Nguyễn Đào Lan Anh	THCS Thị Trấn-TC	Nữ	14/04/1999	1.0	SINH HỌC	5.00	7.25	4.25	1.75	20.00	18.25	26.75	x	LietCH	N2
030579	27	Trần Hoàng Anh	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	26/06/1999	0.0	SINH HỌC	6.25	6.75	5.25	2.25	22.75	20.50	29.75	x		
030580	27	Bạch Hải Âu	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	22/09/1999	0.0	SINH HỌC	4.50	6.00	5.25	1.75	19.25	17.50	25.50	x	LietCH	
030581	27	Nguyễn Thị Mộng Bích	THCS Nguyễn Văn Trỗi-TX	Nữ	06/12/1999	0.0	SINH HỌC	6.00	7.25	5.50	0.75	20.25	19.50	30.25	x	LietCH	
030582	27	Trần Tú Bình	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	12/03/1999	0.0	SINH HỌC	5.50	9.75	7.75	4.25	31.50	27.25	36.25	x		
030583	27	Lâm Thành Chí	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	06/04/1999	0.0	SINH HỌC	5.00	6.50	7.00	2.75	24.00	21.25	30.50	x		
030584	27	Hồ Thị Mỹ Diệu	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	16/03/1999	0.0	SINH HỌC	5.00	8.25	5.00	3.50	25.25	21.75	28.25	x		
030585	27	Huỳnh Phương Duy	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	07/04/1999	1.5	SINH HỌC	5.50	7.50	9.00	5.00	32.00	27.00	38.00	x		N3,VS
030586	27	Trần Thị Mỹ Duyên	THCS Cầu Khởi-DMC	Nữ	25/11/1999	0.0	SINH HỌC	5.00	7.25	4.00	0.75	17.75	17.00	25.25	x	LietCH	
030587	27	Trương Ngọc Thiện Duyên	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	26/01/1999	1.0	SINH HỌC	3.50	7.50	4.75	3.00	21.75	18.75	25.00	x		N2
030588	27	Đặng Thành Đạt	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	22/01/1999	1.5	SINH HỌC	5.00	5.50	4.50	5.00	25.00	20.00	26.00	x		N1
030589	27	Quách Phạm Mỹ Hạnh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	16/04/1999	0.0	SINH HỌC	7.25	7.50	6.75	3.50	28.50	25.00	35.50	x		
030590	27	Nguyễn Quỳnh Hân	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	24/03/1999	0.0	SINH HỌC	5.00	8.25	6.50	1.00	21.75	20.75	31.25	x	LietCH	
030591	27	Trần Hoàng Hồng Hân	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	08/10/1999	1.0	SINH HỌC	5.50	8.00	4.75	1.75	21.75	20.00	29.50	x	LietCH	N2
030592	27	Bùi Thị Quỳnh Hoa	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	19/03/1999	0.0	SINH HỌC	4.00	5.75	4.00	3.25	20.25	17.00	21.75	x		

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030593	27	Đinh Nho Huy	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	31/05/1999	0.0	SINH HỌC	4.00	6.25	5.75	2.25	20.50	18.25	25.75	x		
030594	27	Trần Quang Huy	Thực nghiệm GDPT TN	Nam	17/01/1999	0.0	SINH HỌC	2.50	6.75	3.50	1.25	15.25	14.00	18.75	x	LietCH	
030595	27	Đỗ Ngọc Huyền	THCS Lộc Ninh-DMC	Nữ	20/07/1999	0.0	SINH HỌC	5.00	5.75	4.00	1.00	16.75	15.75	23.75	x	LietCH	
030596	27	Vũ Ngọc Mỹ Huyền	THCS Thị Trấn-CT	Nữ	14/10/1999	0.0	SINH HỌC	6.00	6.75	7.00	3.00	25.75	22.75	32.75	x		
030597	28	Mai Thị Xuân Huỳnh	THCS Cầu Khởi-DMC	Nữ	19/08/1999	0.0	SINH HỌC	5.50	7.25	6.25	1.75	22.50	20.75	30.75	x	LietCH	
030598	28	Lê Hoàng Khải	THCS Nguyễn Thái Bình-HT	Nam	16/05/1999	1.5	SINH HỌC	7.25	9.75	8.75	9.00	43.75	34.75	43.25	x		N1
030599	28	Trần Thị Loan	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nữ	16/10/1999	0.0	SINH HỌC	4.25	4.00	2.00	1.25	12.75		16.50		LietCH	
030600	28	Trương Tiến Mạnh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	27/08/1999	1.5	SINH HỌC	6.00	5.50	8.25	4.00	27.75	23.75	35.50	x		N1
030601	28	Lê Thị Thảo Mi	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	18/08/1999	1.5	SINH HỌC	5.50	9.25	6.25	3.75	28.50	24.75	34.25	x		N1
030602	28	Phan Nguyễn Ngọc Mi	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	23/12/1999	0.5	SINH HỌC	5.25	6.25	7.25	2.00	22.75	20.75	31.75	x	LietCH	N3
030603	28	Ngô Thị Tuyết Minh	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	25/01/1999	0.0	SINH HỌC	5.25	8.25	5.25	4.50	27.75	23.25	29.25	x		
030604	28	Trần Huệ Mi	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	13/08/1999	0.0	SINH HỌC	5.25	8.50	7.50	7.00	35.25	28.25	34.00	x		
030605	28	Trương Tiểu My	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	18/07/1999	0.0	SINH HỌC	6.00	9.50	5.50	2.50	26.00	23.50	32.50	x		
030606	28	Nguyễn Đặng Phương Nam	THCS Tân Hoà-TC	Nam	25/08/1999	0.0	SINH HỌC	4.75	5.75	2.50	1.50	16.00	14.50	20.25	x	LietCH	
030607	28	Trần Thị Thanh Nga	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	07/11/1999	0.0	SINH HỌC	7.25	8.25	3.50	2.00	23.00	21.00	29.75	x	LietCH	
030608	28	Dương Hồ Kim Ngân	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	25/05/1999	1.0	SINH HỌC	6.00	8.00	7.75	6.75	35.25	28.50	36.50	x		N2
030609	28	Huỳnh Kim Ngân	THCS Tân Hưng-TC	Nữ	19/02/1999	0.0	SINH HỌC	4.75	6.50	5.25	4.75	26.00		26.50			
030610	28	Nguyễn Kim Ngân	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	11/12/1999	0.0	SINH HỌC	4.25	8.50	5.00	1.00	19.75	18.75	27.00	x	LietCH	
030611	28	Quách Trương Kim Ngân	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	30/07/1999	0.0	SINH HỌC	5.50	9.50	8.75	9.00	41.75	32.75	38.00	x		
030612	28	Nguyễn Tài Nguyên	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nam	01/02/1999	0.0	SINH HỌC	5.00	5.00	6.25	4.25	24.75	20.50	27.50	x		
030613	28	Võ Thành Nhân	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nam	05/06/1999	0.0	SINH HỌC	6.00	8.25	8.25	6.25	35.00	28.75	36.75	x		
030614	28	Lý Thị Ngọc Nhi	THCS Tân Hoà-TC	Nữ	12/02/1999	0.0	SINH HỌC	6.25	7.75	8.75	7.75	38.25	30.50	37.75	x		
030615	28	Phan Huyền Nhi	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	21/11/1999	0.0	SINH HỌC	6.25	8.75	8.75	5.75	35.25	29.50	38.75	x		
030616	28	Tạ Nguyễn Yến Nhi	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	03/10/1999	1.5	SINH HỌC	5.75	10.00	7.25	8.00	39.00	31.00	37.50	x		N1
030617	29	Dương Mỹ Quyên	THCS Bàu Năng-DMC	Nữ	05/04/1999	0.0	SINH HỌC	6.25	7.00	5.25	5.75	30.00	24.25	30.00	x		
030618	29	Phạm Ngọc Đan Tâm	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	29/09/1999	0.0	SINH HỌC	6.25	7.50	7.75	4.00	29.50	25.50	35.50	x		
030619	29	Trần Khắc Tâm	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nam	06/02/1999	0.0	SINH HỌC	6.25	7.25	5.50	1.50	22.00	20.50	30.75	x	LietCH	
030620	29	Nguyễn Thị Thạch Thảo	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	24/03/1999	0.0	SINH HỌC	5.00	5.50	4.50	1.75	18.50	16.75	24.50	x	LietCH	
030621	29	Trần Kiều Phương Thảo	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	04/02/1999	0.0	SINH HỌC	6.50	9.50	7.50	5.75	35.00	29.25	37.50	x		
030622	29	Võ Thanh Thảo	THCS Lý Tự Trọng-HT	Nữ	25/11/1998	0.0	SINH HỌC	6.00	3.00	3.50	2.00	16.50	14.50	22.00	x	LietCH	
030623	29	Lê Phan Anh Thư	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	27/07/1999	0.0	SINH HỌC	7.00	5.25	3.00	2.50	20.25	17.75	25.25	x		
030624	29	Nguyễn Hoàng Thuỷ Tiên	THCS Mạc Đình Chi-HT	Nữ	15/02/1999	0.0	SINH HỌC	7.75	9.75	8.50	6.25	38.50	32.25	42.25	x		
030625	29	Nghiêm Thị Thảo Trang	THCS Suối Ngô-TC	Nữ	13/02/1999	0.0	SINH HỌC	5.75	9.00	4.00	3.75	26.25		28.50			
030626	29	Nguyễn Thị Bảo Trâm	THCS Võ Văn Truyen-CT	Nữ	01/06/1999	0.0	SINH HỌC	5.00	5.00	4.00	3.75	21.50	17.75	23.00	x		
030627	29	Cao Bảo Trân	THCS Chu Văn An-TX	Nữ	30/10/1999	0.0	SINH HỌC	5.00	8.00	8.00	3.25	27.50	24.25	34.00	x		
030628	29	Phạm Thị Minh Trí	THCS Long Thành Bắc-HT	Nữ	16/01/1999	0.5	SINH HỌC	5.50	8.25	5.50	3.00	25.25	22.25	30.75	x		N3
030629	29	Võ Ngọc Phương Trúc	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	19/03/1999	1.5	SINH HỌC	5.25	6.50	7.00	2.50	23.75	21.25	32.50	x		N1

SBD	Phòng	Họ và tên	Trường THCS	GT	Ngày sinh	Điểm cộng thêm	Môn chuyên	Điểm Ngữ văn KC	Điểm Tiếng Anh KC	Điểm Toán KC	Điểm Chuyên	Tổng điểm chuyên	Tổng điểm nguồn	Tổn điểm KC	NV nguồn	Liệt	Ghi chú
030630	29	Bùi Hà Duy Tùng	THCS Thị Trấn-TC	Nam	13/02/1999	1.5	SINH HỌC	4.00	5.25	5.50	4.50	23.75	19.25	25.75	x		N1
030631	29	Phạm Châu Tuyền	THCS Trần Hưng Đạo-TX	Nữ	06/11/1999	0.0	SINH HỌC	4.50	5.75	6.25	2.00	20.50	18.50	27.25	x	LietCH	
030632	29	Ngô Lan Tường	THCS Thị Trấn-CT	Nữ	03/04/1999	0.0	SINH HỌC	7.00	8.50	6.00	6.50	34.50	28.00	34.50	x		
030633	29	Nguyễn Khả Kỳ Uyên	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	21/01/1999	0.0	SINH HỌC	5.75	9.25	4.25	4.75	28.75	24.00	29.25	x		
030634	29	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	21/01/1999	0.0	SINH HỌC	6.50	8.50	5.25	4.25	28.75	24.50	32.00	x		
030635	29	Võ Tường Vy	Thực nghiệm GDPT TN	Nữ	30/08/1999	0.0	SINH HỌC	7.00	9.50	5.50	5.50	33.00	27.50	34.50	x		